SỞ Y TẾ HÒA BÌNH **BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /TMBG-BVĐKT V/v Thư mời chào báo giá	*Hòa Bình, ngày tháng 8 năm 2023*

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế về việc Quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hoá và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ nhu cầu khám, chữa bệnh các khoa và Kế hoạch phát triển của Bệnh viện.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hoà Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm Vật tư, hoá chất của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hoà Bình với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hoà Bình, Địa chỉ: Tổ 10, phường Đồng Tiến, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hoà Bình.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Kiều Thị Thuỳ Trang, Phụ trách phòng Vật tư – TBYT, Số điện thoại: 02183852199 số máy lẻ 250, email: Kieuthuytrang86@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại địa chỉ: Phòng Vật tư – TBYT, Tầng 2 toà nhà Dược – Vật tư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hoà Bình, Tổ 10, phường Đồng Tiến, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hoà Bình.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 14 tháng 8 năm 2023 đến trước 17h ngày 24 tháng 8 năm 2023.

(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét).

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 24 tháng 8 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục Vật tư, hoá chất (gọi chung là Hàng hoá).

- Danh mục Vật tư *(Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm).*
- Danh mục Hoá chất *(Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm).*

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt, bào hành, bảo trì: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hoà Bình, Địa chỉ: Tổ 10, phường Đồng Tiến, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hoà Bình.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng ký kết có hiệu lực.

4. Mẫu Báo giá: Theo mẫu được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế về việc Quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hoá và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập *(Chi tiết theo Phụ lục 3 đính kèm).*

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc (B/c);
- Các PGĐ;
- Khoa, phòng Bệnh viện;
- Lưu: VT, VT-TBYT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thư mời chào báo giá số /TMBG-BVĐKT ngày /8/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hoà Bình)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Micro catheter trợ giúp dây dẫn đường cho bóng và stent	Cấu tạo: Đầu vào dài 0.7mm. Sau đoạn đầu vào là điểm đánh dấu bằng vàng dài 0.7mm Cấu trúc lõi là lớp bện bằng thép không gỉ (SUS braid) xuyên suốt thành ống. Mặt trong phủ PTFE và mặt ngoài phủ lớp ái nước Kính thước: 1.8Fr. Chiều dài 150 cm	2	Cái
2	Micro Catheter siêu nhỏ	Cấu tạo: Đầu vào dài 0.7mm. Sau đoạn đầu vào là điểm đánh dấu bằng vàng dài 0.7mm Cấu trúc lõi là lớp bện bằng thép không gỉ (SUS braid) xuyên suốt thành ống. Mặt trong phủ PTFE và mặt ngoài phủ lớp ái nước Kính thước: 1.8Fr. Chiều dài 130 cm	5	Cái
3	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc sirolimus	Khung giá đỡ động mạch vành các cỡ phủ thuốc Sirolimus có phủ lớp polymer sinh học tự tiêu Khung giá đỡ: khung cobalt-crom (CoCr L605) Đường kính stent: ≥2.5 mm. Chiều dài stent: ≥9 mm. Áp lực thường: ≥ 9 atm Áp lực ngưỡng: ≤16 atm Chứng nhận chất lượng: ISO, CE hoặc FDA.	40	Cái
4	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc sirolimus áp thành mạch	Chất liệu Cobalt Chromium L605, polymer tự tiêu phủ mặt áp thành mạch kiểu Abluminal & Gradient, phủ thuốc Sirolimus liều lượng ≤ 3,9µg/mm - Độ dày 80µm - Entry profile: 0.018". Đầu vào ≤ 0.018' vật liệu polyamide elastomer. - Độ dài trục: 144 cm - Đường kính từ 2.25-4.0mm. Dài 9, 12, 15, 18, 21, 24, 28, 33, 38mm. Chứng nhận chất lượng: ISO, CE hoặc FDA.	60	Cái
5	Khung giá đỡ mạch vành không phủ thuốc sirolimus	Khung bằng hợp kim phủ thuốc Everolimus hoặc Zotazolimus ó trộn polymer Đường kính ≥2.25mm. Chiều dài:≥ 9mm	50	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
6	Khung giá đỡ mạch vành không phủ thuốc sirolimus lõi kép	Khung bằng hợp kim phủ thuốc Everolimus hoặc Zotazolimus có trộn polymer - Có độ dày thành stent 81 µm và 91 µm - Đường kính khung tối thiểu ≤ 2.25 mm, đường kính khung tối đa ≥ 4.0 mm - Chiều dài khung tối thiểu 8mm, chiều dài khung tối đa 38 mm.	50	Cái
7	Khung giá đỡ động mạch có màng bọc (Cover Stent) dùng trong trường hợp Cấp Cứu	- Chiều dài Catheter stent 140 cm, loại Rapid exchange, - Dây dẫn tương thích 0.014", - Đủ kích thước: đường kính: 2.5, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5, 5.0 mm, chiều dài : 15, 20, 26 mm	6	Cái
8	Bơm áp lực cao	Kiểu đồng hồ: Analog/ huỳnh quang. Chịu áp lực lên đến 30atm Dung tích nòng 20ml Khóa 3 chiều chịu áp lực đế 500spi Tiêu chuẩn CE	200	Bộ
9	Dây dẫn đường cho bóng và stent	Cấu tạo trục với công nghệ nối trực tiếp DuoCore, không mối hàn. Kích thước: 0.014" x 180cm - Chiều dài đoạn xa có lớp cuộn phía ngoài: ≥25 cm Vật liệu: - Phần lõi: đoạn xa Nickel - Titanium, đoạn gần thép không rỉ - Lớp cuộn: thép không gỉ Lớp phủ: Hydrophilic, PTFE coating và Silicone coating	250	Cái
10	Bộ dụng cụ đóng mạch sau can thiệp cơ chế kép	Cấu tạo gồm các thành phần sau: - Dụng cụ đóng mạch - 01 dây dẫn cỡ 0.035" hoặc 0.038" dài 70cm, - 01 dilator, - 01 sheath. Các bộ phận lưu lại trong cơ thể đều có khả năng tự tiêu sinh học, được hấp thụ trong vòng từ 60 - 90 ngày. Kích cỡ: 6Fr và 8Fr	10	Cái
11	Dụng cụ bắt dị vật chất liệu nhớ hình Nitinol	Vòng kim loại nitinol nhớ hình dạng thòng lọng, đường kính từ ≤ 5 tới ≥ 35mm, gắn trên dây đẩy chiều dài từ ≤ 65 - ≥ 120 cm, chiều dài catheter từ ≤ 50 - ≥ 100cm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA.	2	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
12	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số với chức năng tự động kiểm tra ngưỡng thất cho mỗi xung tạo nhịp, tương thích MRI (chuyển chế độ MRI bằng thiết bị cầm tay nhỏ gọn)	Tương thích chụp MRI toàn thân. - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay. - Hệ thống tạo nhịp đáp ứng tối đa ngưỡng tạo nhịp với khả năng xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung, tự động phát xung dự phòng 5V khi phát hiện mất dẫn, có thể lập trình cả đơn cực hoặc lưỡng cực. - Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim lên đến 14 phút. - Trọng lượng 19g, thể tích 9.7 cc.	3	Cái
13	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số với chức năng tự động kiểm tra ngưỡng thất cho mỗi xung tạo nhịp, tương thích MRI (chuyển chế độ MRI bằng thiết bị cầm tay nhỏ gọn)	Tương thích chụp MRI toàn thân. - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay. - Hệ thống tạo nhịp đáp ứng tối đa ngưỡng tạo nhịp với khả năng xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung, tự động phát xung dự phòng 5v khi phát hiện mất dẫn, có thể lập trình cả đơn cực hoặc lưỡng cực. - Bộ tính năng tự động: Ưu tiên dẫn truyền thất nội tại, Tạo nhịp kiểm nén rung nhĩ, Tự động nhận cảm. - Có cảnh báo loạn nhịp nhanh nhĩ có thể lập trình được. - Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim lên đến 14 phút. - Trọng lượng 19g, thể tích 10.4 cc	10	Cái
14	Bộ Máy tạo nhịp vĩnh viễn 2 buồng có đáp ứng, có chức năng gợi ý các thông số hỗ trợ bác sĩ lập trình máy	• Tạo nhịp đáp ứng tần số • Tương thích MRI 1,5T và 3T không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân • Liệu pháp để thúc đẩy tạo nhịp sinh lý • Cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn gấp 4 lần • Quản lý tạo nhịp nhĩ và quản lý tạo nhịp thất • Tự động tạo nhịp, nhận cảm và theo dõi điện cực • Lập trình cơ bản dựa vào các điều kiện của bệnh nhân: Tình trạng buồng nhĩ, dẫn truyền nhĩ thất, suy tim, tuổi và mức độ hoạt động • Biểu đồ ngưỡng tạo nhịp và trở kháng dây dẫn được ghi lại 14 tháng • Tần số hoạt động ở chế độ nam châm 85 chu kỳ/ phút	10	Cái
15	Bộ khăn chụp mạch G3	Cchất liệu vải không dệt, 5 lớp gồm tối thiểu các thành phần -1 khăn trải bàn dụng cụ - 1 khăn chụp mạch vành 3 lỗ, - 1 bao kính chắn chì - 1 tấm phủ chắn chì -1 bao chụp đầu đèn M - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	1.000	Bộ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
16	Áo phẫu thuật	Gồm: -khăn thấm - áo phẫu thuật - giấy gói	1.500	Cái
17	Điện cực tạo nhịp tạm thời loại có bóng	Dây điện cực tạo nhịp Eledyn có bóng. Ống thông Polyurethane chống huyết khối, có marker cách nhau mỗi 100mm để xác định độ sâu. chân cắm: 2mm được mạ vàng. Dây điện cực 110cm, dài 5 mm, khoảng cách giữa 2 điện cực 10mm. Có bơm tiêm Omnifix kèm theo để bơm bóng	5	Bộ
18	Gel nút mạch	Vật liệu nút mạch tạm thời loại tự tiêu đóng sẵn trong syringe	6	Miếng
19	Đầu dò siêu âm nội mạch	Catheter dẫn hướng tối thiểu: 5F; Dây dẫn tương thích: 0.014'' Đường kính quét: ≥ 3.5F, Đường kính ảnh tối đa: ≥ 20mm. Tần số phát: 20 MHz. Chiều dài làm việc: ≥ 150 cm. Phủ lớp GlyDx hydrophilic, có 3 điểm marker chắn xạ cách nhau 10mm. Đầu tip gồm loại dài 10mm và loại ngắn 2.5mm.	30	Cái
20	Bóng nong mạch vành áp lực siêu cao	Chất liệu Nylon/pebax. Marker cản quang chất liệu Platinum Iridium. Đầu xa phủ lớp ái nước bền vững (Hydrax). Tip Profile ≤0,016" Áp lực vỡ bóng trung bình (ABP) ≥25 atm. chiều dài catheter 142mm, đường kính bóng 2-5mm, chiều dài bóng từ 6-30mm.	5	Cái
21	Vi ống thông có marker, đường kính 2,6F/ 2,95F	Đầu ống cong 45 độ. Đường kính trong 0,025", Đường kính ngoài đầu xa 2,6F, Chiều dài 150cm, 160cm.	15	Cái
22	Vi ống thông hút huyết khối mạch não đường kính trong nhỏ	- Vi ống thông có lớp phủ ưa nước - Có marker ở đầu tip	15	Cái
23	Ống hút huyết khối mạch não đường kính trong lớn các cỡ	Chất liệu Nitinol, thiết kế dạng coil dệt, đường kính trong rộng 0.068" và 0.071", đường kính ngoài tối đa 0.083" và 0.0855". Chiều dài 132cm. Hỗ trợ giá đỡ mạch não Solitaire trong can thiệp điều trị đột quỵ mạch não.	5	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
24	Giá đỡ lấy huyết khối	Đường kính stent 4,6mm, chiều dài stent 20mm, 24mm, 40mm, dùng cho mạch đường kính 2-4mm, 2-5.5mm. tương thích vi ống thông đường kính 0.021"-0.027", số marker đầu xa 3,4, số marker đầu gần 1, khoảng cách giữa các marker là 5mm, 6mm, 10mm, chiều dài dây đẩy 200 cm. Được sử dụng để lấy huyết khối trong điều trị đột quỵ.	15	Cái
25	Vi Ống thông can thiệp mạch thần kinh	Ống thông can thiệp, đường kính ngoài là 0.024"-0.029", 0.030"-0.034", 0.036"-0.040" , đường kính trong 0.017", 0.021", 0.027", chiều dài làm việc 150cm, chiều dài coil 15cm, 30cm, chiều dài đoạn xa 6cm, 10cm. Có các dạng đầu tip thẳng, chữ J, cong 45 độ, 90 độ. Tương thích dây dẫn tối đa 0.014", 0.018", 0.025".Được sử dụng trong can thiệp mạch thần kinh.	15	Cái
26	Dụng cụ mở đường vào động mạch	Dụng cụ mở đường đùi (Sheath) 5F, 6F, 7F, 8F - Chất liệu dilator: polythylene và Polypropylene, n. - Đủ các cỡ 4Fr, 5F, 6F, 7F, 8F dài 10cm, mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau.	25	Cái
27	Vi dây dẫn can thiệp mạch máu với cuộn vàng	- Cấu tạo đồng trục - Đầu xa có phần cuộn vàng (Gold coil) - Đường kính: 0.012"; 0.014"; 0.016" - Chiều dài: 180cm; 200cm - Kiểu đầu: Angled 45° x 4 mm; Angled 90° x 4 mm; Angled 1.5 mm J curve; Double Angled 90°+150° Angled 45x4mm	15	Cái
28	Dụng cụ đóng động mạch	Cấu tạo gồm các thành phần sau: - Dụng cụ đóng mạch - 01 dây dẫn cỡ 0.035" hoặc 0.038" dài 70cm - 01 dilator - 01 sheath , Bộ đóng mạch sử dụng cơ chế cầm máu kép với móc neo bên trong lòng mạch và collagen bên ngoài lòng mạch, được giữ bởi chỉ tự tiêu giúp cố định tại vị trí cần đóng mạch. Kích cỡ: 6Fr và 8Fr	15	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
29	Kẹp túi phình mạch máu não Clip Yasargil Titanium các cỡ	Kẹp túi phình mạch máu não các cỡ. Vật liệu Titanium không bị nhiễm từ khi chụp MRI; Chiều dài lưỡi là 3.0mm -> 15mm; loại chuẩn, ngàm kẹp cong hoặc ngàm kẹp thẳng; loại mini, ngàm kẹp thẳng, có độ mở tối đa 3.3mm -> 9.2mm; Khoá của kẹp thiết kế phẳng mỏng và liền mạch, bề mặt tiếp xúc rộng ổn định có lực đóng từ 1.08N/g -> 1.96 N/g.; Sản phẩm dùng 1 lần, đóng gói tiệt trùng sẵn;	25	Cái
30	Ống ghép mạch máu nhân tạo phủ bạc các cỡ	Mạch máu nhân tạo tráng bạc kháng khuẩn nhằm dự phòng lâu dài loại chia đôi, bề mặt ống ghép kháng khuẩn được cấp bằng sáng chế, ức chế nhiễm trùng ống ghép lâu dài, làm giảm sự bám dính của vi khuẩn, bảo vệ chống lại vi sinh vật thể hiện tính tương thích sinh học cao, hỗ trợ chữa lành không gây biến chứng. Kích cỡ: - Loại thẳng: Dài 60 CM đường kính 6 và 8 mm - Loại chữ Y: chiều dài 40 CM; đường kính 16 x 8 mm; 18x9 mm	10	Cái
31	Ống nối Shunt động mạch cảnh	- Chất liệu shunt: Polyurethane - Chất liệu bóng: Cao su - Dài 31 cm - Cổng chữ T có van khóa. Van khóa, Bóng động mạch cảnh chung, Lumen phồng động mạch được mã hóa theo màu sắc. Có vạch đánh dấu độ sâu theo centimet - Vỏ bọc an toàn, bóng an toàn	5	Cái
32	Stent mạch máu ngoại biên	Cấu tạo: - Sử dụng chất liệu Nitinol, thiết kế mắt mở open short-cell - Catheter 3 lớp sheath, lớp trong phủ PTFE - Đầu tip mềm - Tay cầm có hệ thống khóa và thanh cuộn kiểm soát tốc độ nhả stent - Tương thích với dây dẫn 0.035"", introducer 6F và ống thông dẫn đường 8F - Có 4 điểm đánh dấu cản quang ở mỗi đầu stent và 3 điểm đánh dấu cản quang trên ống thông Kích thước: - Chiều dài ống thông: 80 và 130cm - Đường kính stent: 5; 6; 7; 8; 9; 10mm - Chiều dài stent: 40; 60; 80; 100; 150; 200mm"	5	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
33	Phổi hỗ trợ tim phổi nhân tạo cấp cứu dùng cho bệnh nhân trên 20kg ECMO	-Thời gian sử dụng phổi liên tục 14 ngày - Lưu lượng máu: 0.5-7 lít/phút - Diện tích bề mặt trao đổi khí: 1.8 m2 - Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt: 0.4m2 - Đầu nối nước Hansen coupling đường kính 1/2 inch - Sợi trao đổi khí: - Polymethylpentene (PMP) - Sợi trao đổi nhiệt: Polyurethane (TPU) - Thân phổi: Polycarbonate (PC) - Cánh bơm ly tâm Rotaflow gắn kèm bộ dây - Thâm bơm: nhựa Polycarbonate (PC) - Cổng kết nối máy lọc máu với mã sản phẩm: BE- PLS 2051 -Bộ dây dẫn tuần hoàn đường kính 3/8 inch với chất liệu DEHP-freepolyvinyl chloride (PVC) phủ chất chống đông Bioline - Phú hợp hoàn toán với máy ECMO, Model Rotaflow	10	Bộ
34	Bộ dẫn đường động mạch	Bộ nong dưới da dùng cho Cannula ECMO: - Bộ gồm ống nong, dây dẫn hướng (guide wire) dao mổ nhỏ, bơm tiêm , kim tiêm - Kích cỡ: PIK 100: Đường kính 0.097 cmx chiều dài 100cm (Dùng dẫn đường động mạch) PIK 150: Đường kính 0.097 cmx chiều dài 150cm (Dùng dẫn đường tĩnh mạch)	10	Cái
35	Bộ dẫn đường tĩnh mạch	Bộ nong dưới da dùng cho Cannula ECMO: - Bộ gồm ống nong, dây dẫn hướng (guide wire) dao mổ nhỏ, bơm tiêm , kim tiêm - Kích cỡ: PIK 100: Đường kính 0.097 cmx chiều dài 100cm (Dùng dẫn đường động mạch) PIK 150: Đường kính 0.097 cmx chiều dài 150cm (Dùng dẫn đường tĩnh mạch)	10	Cái
36	Máy đo ACT và kít	Cấu hình: 01 Máy chính + Phụ kiện đi kèm. Tính năng kỹ thuật: Dùng cho xét nghiệm đo thời gian đông máu ACT+, ACT-LR, PT/INR, APTT, Citrated APTT, Citrated PT. Kênh xét nghiệm: 1 kênh. Lượng mẫu: 15µl. Hiệu suất: $\leq$ 10% cho mẫu máu toàn phần Dải đo: 0 - 1005 giây Lưu trữ 600 kết quả xét nghiệm	1	Cái
37	Bộ mở mạch máu	Bộ dụng cụ mạch máu (Bao gồm 54 đầu mục, 112 chi tiết)	1	Bộ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
38	Hạt Nút Mạch Gan Bằng Phương Pháp Trộn Thuốc (Giải Phóng Thuốc DC Bead)	- Bao gồm các hạt hydrogel rất nhỏ có khả năng tương thích sinh học, tan trong nước, không bị cơ thể hấp thu. - Được tạo từ cồn polyvinyl thuận tiện cho việc quan sát khi chuẩn bị và tải thuốc. - Tải Doxorubicin được chỉ định trong trường hợp tắc mạch trong khối u ác tính tăng sinh mạch máu. - Tải Irinotecan được chỉ định trong trường hợp tắc mạch của các mạch máu nuôi khối u ác tính ở đại trực tràng di căn đến gan. - Lọ 10ml chứa 2ml hạt trong dung dịch đệm nước muối sinh lý. Có các kích thước hạt 100µm - 300µm, 300µm - 500µm, 500µm - 700µm.	10	Lọ
39	Khớp gối toàn phần Phủ TiN	Vật liệu: CoCr/CoCr/UHMWPE * Thành phần xương đùi : với khả năng tăng gấp duỗi tối đa 155˚, Lớp phủ TiN - giảm nguy cơ kích ứng với kim loại - 5 cỡ lồi cầu đùi phải :CR, DR, ER, FR,GR và - 5 cỡ lồi cầu đùi trái : CL, DL, EL, FL GR. * Thành phần mâm chày với thiết kế nghiêng sau 7° bao gồm 6 kích cỡ cho sự lựa chọn phù hợp. Lớp phủ TiN - giảm nguy cơ kích ứng với kim loại	5	Bộ
40	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay không xi măng	* Cuống khớp: Vật liệu : Titanium alloy Plasme Spray - Thiết kế phù hợp với giải phẫu giúp bảo tồn xương - Kích cỡ chuôi: 1,2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 9, 10 - Chiều dài chuôi: 130, 140,145, 150,155,160,165, 170,180,190mm. * Đầu chỏm Bipolar: - Vật liệu : REX Steel/PE. - Kích cỡ : 41 – 55mm với mỗi bước tăng 1 mm và 58, 61mm. - Đầu chỏm có thiết kế Excentric-tự định vị tâm xoay	15	Bộ
41	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay không xi măng chuôi dài	* Cuống khớp: Vật liệu : Titanium alloy Plasma Spray. - Thiết kế phù hợp với giải phẫu giúp bảo tồn xương - Kích cỡ chuôi: 3, 4, 5, 6, 7, 8 9, 10 - Chiều dài chuôi: 190, 205, 210, 215, 220, 225, 230, 235mm. - Góc cổ chuôi: 135o. cổ côn 12/14 mm - Chuôi dạng không cổ, lớp phủ Titanium alloy Plasma Spray 1/3 đầu gần, với thiết kế hình nêm cả hai chiều (kiểu Muller) * Đầu chỏm Bipolar: - Vật liệu : REX Steel/PE. - Kích cỡ : 41 – 55mm với mỗi bước tăng 1 mm và 58, 61mm. - Đầu chỏm có thiết kế Excentric-tự định vị tâm xoay	3	Bộ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
42	Khớp háng toàn phần không xi măng khóa đáy ổ cối	* Cuống khớp: Vật liệu : Titanium alloy Plasma Spray. - Kích cỡ chuôi: 1,2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 9, 10 - Chiều dài chuôi: 130, 140,145, 150,155,160,165, 170,180,190mm. * Ổ cối: Vật liệu : Titanium alloy Plasma Spray giúp. Có thể lắp được với cả 2 loại lớp đệm PE và Ceramic. - Có thể gắn thêm đai cố định xung quanh viền ổ cối - Kích cỡ : 40 – 74 mm với mỗi bước tăng 2mm. * Lớp đệm (Liner): - Vật liệu : Polyetylene cao phân tử (Ultra-High-Molecular-Weight Polyethylene (UHMWPE)). - Đường kính trong : 22, 28,32 mm. * Đầu Chỏm xương đùi - Vật liệu: REX Steel. - Đường kính: 22, 28, 32mm	120	Bộ
43	Khớp háng toàn phần không xi măng khóa đáy ổ cối chuôi dài	Cuống khớp: Vật liệu : Titanium alloy Plasma Spray. - Kích cỡ chuôi: 3, 4, 5, 6, 7, 8 9, 10 - Chiều dài chuôi: 190, 205, 210, 215, 220, 225, 230, 235mm. - Góc cổ chuôi: 135 độ. - Chuôi có lớp phủ Titanium alloy Plasma Spray 1/3 đầu gần, với thiết kế hình nêm cả hai chiều (kiểu Muller), cổ 12/14 mm. *Ổ cối (Shell): Vật liệu : Titanium alloy Plasma Spray. Có thể lắp được với cả 2 loại lớp đệm PE và Ceramic. - Có thể gắn thêm đai cố định xung quanh viền ổ cối - Kích cỡ : 40 – 74 mm với mỗi bước tăng 2mm. * Lớp đệm (Liner): Vật liệu : Polyetylene cao phân tử (Ultra-High-Molecular-Weight Polyethylene (UHMWPE)). - Đường kính trong : 22, 28,32 mm. * Đầu Chỏm xương đùi - Vật liệu: REX Steel. - Đường kính: 22, 28, 32mm	3	Bộ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
44	Khớp háng toàn phần không xi măng khóa đáy ổ cối Ceramic/PE	* Cuống khớp: Vật liệu : Titanium alloy Plasm Pray - Thiết kế phù hợp với giải phẫu giúp bảo tồn xương - Kích cỡ chuôi: 1,2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 9, 10 - Chiều dài chuôi: 130, 140,145, 150,155,160,165, 170,180,190mm. * Ổ cối: - Titanium alloy Plasma Spray. Có thể lắp được với cả 2 loại lớp đệm PE và Ceramic. -Thiết kế khóa lớp đệm tại đáy ổ cối, - Có thể gắn thêm đai cố định xung quanh viền ổ cối - Kích cỡ : 44 – 74 mm với mỗi bước tăng 2mm. *. Lớp đệm (Liner) :- Vật liệu : Ultra-High-Molecular-Weight Polyethylene (UHMWPE) - Đường kính trong : 28,32 mm. - Đường kính ngoài : phù hợp với ổ cối có đk 44–74mm với mỗi bước tăng 2 mm. * Chỏm BIOLOX DELTA Ceramic	3	Bộ
45	Khớp háng toàn phần không xi măng khóa đáy ổ cối chuôi phủ HA	* Cuống khớp: Vật liệu : Titanium alloy với lớp phủ Hydroxy-apatite (HA). - Kích cỡ chuôi: 1,2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 9, 10 - Chiều dài chuôi: 130, 140,145, 150,155,160,165, 170,180,190mm. * Ổ cối: Vật liệu : Titanium alloy Plasma Spray giúp. Có thể lắp được với cả 2 loại lớp đệm PE và Ceramic. - Có thể gắn thêm đai cố định xung quanh viền ổ cối - Kích cỡ : 40 – 74 mm với mỗi bước tăng 2mm. * Lớp đệm (Liner): - Vật liệu : Polyetylene cao phân tử HXL-UHMWPE. - Đường kính trong : 22, 28, 32, 36, 40mm. * Đầu Chỏm xương đùi - Vật liệu: CoCr. - Đường kính: 22, 28, 32, 36, 40mm	20	Bộ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
46	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay có xi măng	* Cuống khớp: Vật liệu : REX steel có hàm lượng nitrogen cao - Kích cỡ chuôi : 1,2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 9, 10 - Chiều dài chuôi: 130, 140,145, 150,155,160,165, 170,180,190mm. - Góc cổ chuôi: 135độ. cổ côn 12/14 mm. * Đầu Chỏm xương đùi - Vật liệu : REX Steel. - Đường kính: 28 mm (-3, +0, +3, +5, +8, +12). * Đầu chỏm Bipolar: - Vật liệu: REX Steel/PE. - Kích cỡ : 41 – 55mm với mỗi bước tăng 1 mm và 58, 61mm. - Đầu chỏm có thiết kế Excentric-tự định vị tâm xoay	3	Bộ
47	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay có xi măng loại chuôi dài	* Cuống khớp: Vật liệu : REX steel có hàm lượng nitrogen cao - Góc cổ chuôi: 135 độ. - Kích cỡ chuôi: 0,1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 9, 10 - Chiều dài chuôi: 150, 190, 205, 210, 215, 220, 225, 230, 235mm. * Đầu Chỏm xương đùi - Vật liệu: REX Steel. - Đường kính đầu: 28 mm (-3, +0, +3, +5, +8, +12). * Đầu chỏm Bipolar: - Vật liệu: REX Steel/PE. - Kích cỡ : 41 – 55mm với mỗi bước tăng 1 mm và 58, 61mm. - Đầu chỏm có thiết kế Excentric-tự định vị tâm xoay	2	Bộ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
48	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay không xi măng cổ rời	* Cổ khớp: Vật liệu : Titanium alloy phủ Titanium Plasma Spray toàn bộ. - Kích cỡ: 1, 2, 3, 4, 5, 6. - Chiều dài cổ: 50, 56, 62, 68, 74, 80mm. - Góc cổ: 135 độ, côn 12/14 mm * Cuống khớp: Vật liệu : Titanium. - Thiết kế 2 loại thẳng, cong phù hợp với giải phẫu nội tủy; có lỗ chốt đầu xa. - Kích cỡ chuôi: 12, 14, 16, 18, 20mm - Chiều dài chuôi: 120, 170, 220, 270, 320 mm * Vít chốt: Vật liệu Titanium. Đk 4.8mm dài 25-100mm. * Đầu Chỏm xương đùi - Vật liệu: REX Steel. - Đường kính đầu: 28 mm (-3, +0, +3, +5, +8, +12). * Đầu chỏm Bipolar: - Vật liệu: REX Steel/PE. - Kích cỡ : 41 – 55mm với mỗi bước tăng 1 mm và 58, 61mm. - Đầu chỏm có thiết kế Excentric-tự định vị tâm xoay	2	Bộ
49	Ống kính nội soi quang học HOPKINS	Hướng nhìn 30 độ, đường kính 4 mm. Có thể hấp tiệt trùng, trong lòng có gắn thấu kính hình gậy bằng thuỷ tinh giúp tăng trường nhìn, đầu ống có bọc saphia chống xước.	1	Chiếc
50	Vỏ đặt ống soi cắt loại xoay được	Cỡ 26 Fr, có 2 đường dịch vào và ra để tưới rửa liên tục.	1	Chiếc
51	Vỏ trong ống soi cắt	Xoay được, đầu vỏ cách điện bằng vật liệu ceramic. Sử dụng với vỏ đặt ống soi cắt 27050SC, cỡ 26Fr	1	Chiếc
52	Đầu bịt tiêu chuẩn	Sử dụng với vỏ đặt ống soi cắt loại 24/26 Fr.	1	Chiếc
53	Bộ tay cắt u bàng quang	Loại cắt chủ động bằng ngón trỏ.	1	Chiếc
54	Điện cực cắt đốt đơn cực hình vòng.	Điện cực cắt đốt đơn cực hình vòng, gập góc, dùng với vỏ đặt cỡ 24/26 Fr.	20	Chiếc
55	Điện cực cầm máu đơn cực hình cầu	Điện cực cầm máu đơn cực hình cầu, đường kính 3 mm, dùng với vỏ đặt cỡ 24/26 Fr.	1	Chiếc
56	Sợi cáp cao tần đơn cực	Cáp cao tần đơn cực, chiều dài 3m	2	Chiếc
57	Hộp bảo vệ điện cực	Ống bảo vệ điện cực.	1	Chiếc
58	Xi lanh hút mảnh cắt REINER-ALEXANDER	Xi lanh hút mảnh cắt REINER-ALEXANDER, dung tích 150 ml, có đi kèm với một khớp nối với vỏ đặt ống soi.	1	Chiếc

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
59	Nòng đặt sonde bàng quang	Nòng đặt sonde	1	Chiếc
60	Dây dẫn nước 3 chạc	Dây dẫn dịch, làm bằng silicone	1	Chiếc
61	Ống kính soi HOPKINS	Hướng nhìn 30 độ, đường kính 10mm, chiều dài làm việc 31 cm, có thể hấp tiệt trùng, trong lòng có gắn thấu kính hình gậy bằng thuỷ tinh giúp tăng trường nhìn, đầu ống có bọc saphia chống xước	1	Chiếc
62	Vỏ trocar kim loại	Có khóa LUER, đầu vát chéo, cỡ 11 mm, chiều dài làm việc 10.5 cm	2	Chiếc
63	Van đa chức năng	Có thể mở tự động hoặc thủ công, cỡ 11 mm	2	Chiếc
64	Nòng trocar	Đầu tù, cỡ 11 mm, chiều dài làm việc 10.5 cm	2	Chiếc
65	Nòng trocar	Đầu hình kim tự tháp, cỡ 11 mm, chiều dài làm việc 10.5 cm	1	Chiếc
66	Vỏ trocar kim loại	Có khóa LUER, đầu vát chéo, cỡ 6 mm, chiều dài làm việc 10.5 cm	2	Chiếc
67	Van đa chức năng	Có thể mở tự động hoặc thủ công, cỡ 6 mm	2	Chiếc
68	Ống thu giảm khẩu kính	Loại 11/5mm	1	Chiếc
69	Vỏ ngoài	Cách điện, có đầu tưới để vệ sinh. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm	10	Chiếc
70	Tay cầm	Bằng nhựa, xoay được, không khóa, có chân cắm đốt điện đơn cực	1	Chiếc
71	Tay cầm	Bằng nhựa, xoay được, có khóa kiểu MANHES, có chân cắm đốt điện đơn cực	5	Chiếc
72	Lưỡi kéo cong	Hàm hoạt động kép, có răng cưa, hàm dài 20 mm. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm	1	Chiếc
73	Hàm forceps kẹp	Nhiều răng, hàm rộng 4.8 mm, dài 14 mm, hoạt động đơn, dùng để kẹp chính xác và không gây tổn thương. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm	2	Chiếc
74	Hàm forceps kẹp	Phần hàm dụng cụ dài 26 mm, hoạt động đơn, có mở lỗ, có răng cưa nhỏ mịn, không gây tổn thương. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm	2	Chiếc
75	Hàm forceps kẹp và phẫu tích	Hàm dài 22 mm, hoạt động kép. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm	1	Chiếc
76	Hàm forceps kẹp và phẫu tích	Hàm dài 13 mm, khỏe. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm	1	Chiếc
77	Que phẫu tích đơn cực	Đầu hình chữ L. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm	1	Chiếc
78	Ống tưới hút	Bề mặt chống lóa, lỗ bên hông, với van hai chiều để sử dụng bằng một tay. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm	1	Chiếc

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
79	Tay cầm kìm kẹp clip	Tay cầm kìm kẹp clip, bằng kim loại, có khóa	1	Chiếc
80	Vỏ ngoài kìm kẹp clip	Vỏ ngoài kìm kẹp clip, bằng kim loại, cỡ 10 mm, chiều dài 36 cm	1	Chiếc
81	Hàm kẹp clip	Hàm kẹp clip, dùng cho Clip cầm máu Titan Weck cỡ trung bình lớn (30460AL), cỡ 10 mm, chiều dài 36 cm	1	Chiếc
82	Clip cầm máu Titanium	Clip cầm máu Titan cỡ trung bình lớn. 10 chiếc/thanh, 16 thanh/hộp	2	Hộp
83	Cáp cao tần lưỡng cực	Dây cao tần lưỡng cực, chân cắm đôi cỡ 4 mm, chiều dài 3 m	2	Chiếc
84	Nút cao su đầu trocar	Nắp cao su đầu trocar 11 mm. Gói 10 chiếc	2	Chiếc
85	Nút cao su đầu trocar	Nắp cao su đầu trocar 6 mm. Gói 10 chiếc	2	Chiếc
86	Dầu tra các khớp cử động	Dầu tra dụng cụ, 50 ml, không chứa silicone	1	Lọ
87	Mỡ bôi trơn	Mỡ bôi trơn, dùng cho các van khóa	1	Tuýp
88	Kem vệ sinh	Đầu ống soi và đầu dây dẫn sáng	1	Tuýp
89	Chổi rửa dụng cụ	Cỡ 7 mm	5	Chiếc
90	Chổi rửa dụng cụ	Cỡ 2.5 mm	5	Chiếc
91	Hộp ngâm khử khuẩn dụng cụ	Kích thước khoảng 740 x 220 x 132 mm. Bao gồm: Hộp đựng, Khay đục lỗ, và Nắp đậy	1	Chiếc
92	Hộp tiệt trùng và bảo quản ống soi	Dùng cho 1 ống soi có chiều dài làm việc tới 34 cm, có đệm đỡ silicone, có nắp đậy. Kích thước ngoài: 430 x 65 x 52 mm	1	Chiếc
93	Hộp tiệt trùng và bảo quản dụng cụ	Bằng nhựa, có đục lỗ, nắp trong suốt, thảm silicone. Kích thước ngoài: 515 x 237 x 65 mm	1	Chiếc
94	Ống kính soi HOPKINS	Hướng nhìn 30 độ, đường kính 4 mm, dài 30cm. Có thể hấp tiệt trùng, trong lòng có gắn thấu kính hình gậy bằng thuỷ tinh giúp tăng trường nhìn, đầu ống có bọc saphia chống xước.	1	Chiếc
95	Bộ vỏ đặt ống soi niệu đạo	Bộ vỏ đặt ống soi niệu đạo bàng quang, cỡ 25 Fr., có 2 đường dịch với khóa LUER để tưới rửa liên tục. Bao gồm: Vỏ đặt 27026AB Nòng trong 27026AO	1	Chiếc
96	Bộ vỏ đặt ống soi niệu đạo	Bộ vỏ đặt ống soi niệu đạo bàng quang, cỡ 22 Fr., có 2 đường dịch với khóa LUER để tưới rửa liên tục. Bao gồm: Vỏ đặt 27026BB Nòng trong 27026BO	1	Chiếc

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
97	Bộ vỏ đặt ống soi niệu đạo	Bộ vỏ đặt ống soi niệu đạo bàng quang, cỡ 19 Fr., có 2 đường dịch với khóa LUER để tưới rửa liên tục. Bao gồm: Vỏ đặt 27026DB Nòng trong 27026DO	1	Chiếc
98	Bộ nối cho ống soi	Bộ nối cho ống soi, có hai kênh có khóa.	1	Chiếc
99	Bộ lệch hướng cơ học	Bộ lệch hướng cơ học, có hai kênh dụng cụ có khóa, kèm theo thanh nối 27021O.	1	Chiếc
100	Forceps gắp giữ quang học	Forceps gắp giữ quang học, hàm hoạt động kép, dùng để gắp stent.	1	Chiếc
101	Forceps sinh thiết quang học	Forceps sinh thiết quang học MARBERGER, hàm hoạt động kép. Sử dụng với ống soi hướng nhìn 30 độ.	1	Chiếc
102	Adaptor	Adaptor kết nối forceps quang học với vỏ đặt ống soi cắt	1	Chiếc
103	Forceps gắp dị vật	Forceps gắp dị vật, thân mềm, hàm hoạt động kép, cỡ 7Fr., chiều dài 40cm.	1	Chiếc
104	Lưới vá sọ (Miếng vá khuyết sọ titan 50x50mm)	Chất liệu titanium nguyên chất TA2 trong tiêu chuẩn GB/T1380, có độ dày 0.6mm đến 0.8mm. Độ cứng bề mặt của tấm lưới ≥ 150 HV10. Thoogn số vô trùng: Nhiệt độ 121ºC, Áp suất 0.1029MPa, trong 20 phút. Được thiết kế 3D với bố trí kết cấu lỗ hình hoa 6 lỗ thuận tiện khi cắt. Tấm lưới được phủ một lớp mạ màu xanh hoặc trắn, không làm mất màu khi hấp sấy, uốn. Không bị a/h khi chụp CT và MRI. Sản phẩm dùng vít 2.0mm và 1.6mm đồng bộ của hãng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	6	Miếng
105	Lưới vá sọ (Miếng vá khuyết sọ titan 100 x 100 mm)	Chất liệu titanium nguyên chất TA2 trong tiêu chuẩn GB/T1380, có độ dày 0.6mm đến 0.8mm. Độ cứng bề mặt của tấm lưới ≥ 150 HV10. Thoogn số vô trùng: Nhiệt độ 121ºC, Áp suất 0.1029MPa, trong 20 phút. Được thiết kế 3D với bố trí kết cấu lỗ hình hoa 6 lỗ thuận tiện khi cắt. Tấm lưới được phủ một lớp mạ màu xanh hoặc trắn, không làm mất màu khi hấp sấy, uốn. Không bị a/h khi chụp CT và MRI. Sản phẩm dùng vít 2.0mm và 1.6mm đồng bộ của hãng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	50	Miếng
106	Lưới vá sọ (Miếng vá khuyết sọ titan 203x203mm)	Chất liệu titanium nguyên chất TA2 trong tiêu chuẩn GB/T1380, có độ dày 0.6mm đến 0.8mm. Độ cứng bề mặt của tấm lưới ≥ 150 HV10. Thông số vô trùng: Nhiệt độ 121ºC, Áp suất 0.1029MPa, trong 20 phút. Được thiết kế 3D với bố trí kết cấu lỗ hình hoa 6 lỗ thuận tiện khi cắt. Tấm lưới được phủ một lớp mạ màu xanh hoặc trắn, không làm mất màu khi hấp sấy, uốn. Không bị a/h khi chụp CT và MRI. Sản phẩm dùng vít 2.0mm và 1.6mm đồng bộ của hãng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	5	Miếng

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
107	Bột xương sinh học	Chất liệu thủy tinh hoạt tính Bioactive glass 45S5 có thành phần cấu tạo gồm: 45% SiO2, 24.5% Na2O, 24.5% CaO, 6.0% P2O5 . Đóng gói dạng xi lanh 1cc, sử dụng ngay không cần pha chế.	20	Hộp
108	Bột xương sinh học	Chất liệu thủy tinh hoạt tính Bioactive glass 45S5 có thành phần cấu tạo gồm: 45% SiO2, 24.5% Na2O, 24.5% CaO, 6.0% P2O5. Đóng gói dạng xi lanh 2.5cc, sử dụng ngay không cần pha chế.	6	Hộp
109	Bột xương sinh học	Chất liệu thủy tinh hoạt tính Bioactive glass 45S5 có thành phần cấu tạo gồm: 45% SiO2, 24.5% Na2O, 24.5% CaO, 6.0% P2O5. Đóng gói dạng xi lanh 5cc, sử dụng ngay không cần pha chế.	4	Hộp
110	Miếng vá khuyết sọ cứng	Chất liệu thủy tinh hoạt tính Bioactive glass 45S5 có thành phần cấu tạo gồm: 45% SiO2, 24.5% Na2O, 24.5% CaO, 6.0% P2O5. Đóng gói dạng xi lanh 10cc, sử dụng ngay không cần pha chế.	20	Cái
111	Miếng vá khuyết sọ cứng hoa văn ma trận	Miếng vá khuyết sọ kích cỡ khoảng 90 x 90mm hoặc tương đương - Có thể cắt, uốn theo bề mặt xương - Dùng hệ thống vít tự khoan, tự taro đường kính khoảng 2.0mm - Chất liệu Titanium tinh khiết F-67 hoặc tương đương - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	20	Cái
112	Miếng vá khuyết sọ cứng hoa văn ma trận	Miếng vá khuyết sọ cứng hoa văn ma trận hoặc tương đương kích cỡ khoảng 120 x 120mm - Có thể cắt, uốn theo bề mặt xương - Dùng hệ thống vít tự khoan, tự taro đường kính khoảng 2.0mm - Chất liệu Titanium tinh khiết F-67 hoặc tương đương - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	20	Cái
113	Miếng vá khuyết sọ	Miếng vá khuyết sọ cứng hoa văn ma trận kích cỡ 150 x 150mm. Có thể cắt, uốn theo bề mặt xương. Dùng hệ thống vít tự khoan 2.0mm. Chất liệu Titanium tinh khiết F-67. Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE	20	Cái
114	Miếng vá khuyết sọ cứng hoa văn ma trận	Miếng vá khuyết sọ kích cỡ 228 x 301mm hoặc tương đương - Dùng hệ thống vít tự khoan,tự taro đường kính 1.5-1.65 mm - Bề dày bản khoảng 0.6mm - Chất liệu Titanium hoặc tương đương - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	20	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
115	Miếng vá tái tạo màng cứng tự dính, vật liệu	'-Miếng vá tái tạo màng cứng, rò dịch não tuỷ loại DuraGen hoặc tương đương Vật liệu: Ultra Pure Collagen, có các vi hốc kích thước 50-150micron - Tự tiêu và biến thành màng cứng tự thân sau khoảng 12 tháng. - Tự dính, không cần khâu - Kích thước 7.5x7.5cm -Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE	100	Cái
116	Bộ dây dẫn máu cho liệu pháp tách huyết tương sử dụng cho máy lọc máu liên tục	Bộ dây tách huyết tương PEX cho máy lọc máu Diapact CRRT, một bộ gồm: Dây động mạch, dây tĩnh mạch; Bộ chuyển đổi điện áp quả lọc tách huyết tương, Dây dẫn dịch thay thế, Dây dẫn đầu ra huyết tương; 04 bộ/ thùng	20	Bộ
117	Bộ dây dẫn máu cho liệu pháp thẩm tách/ siêu lọc sử dụng cho máy lọc máu liên tục	Bộ dây lọc máu cho CVVH/CVVHD/CVVHFD/HF/HFD/HD cho máy lọc máu Diapact CRRT, một bộ gồm: 2 Túi dịch thải, 2 đầu kết nối túi, dây động mạch, Dây dẫn đầu vào dịch thay thế/thẩm tách; Dây dẫn đầu ra Siêu lọc/ thẩm tách; 04 bộ/ thùng	400	Bộ
118	Bộ quả lọc máu liên tục	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn: Chất liệu: - Sợi lọc AN69 HF: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG Phương pháp tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Thông số kỹ thuật của quả lọc: - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc (±10%): 152 ml - Diện tích màng hiệu dụng: 0,9m2 - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240µm - Độ dày thành sợi lọc: 50µm - Tốc độ máu: 75 - 400 ml/phút - Thể tích mồi máu (chỉ ở quả lọc): 66 ml ±10% - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 30 kg	200	Hộp

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
119	Bộ quả lọc trao đổi huyết tương	Quả lọc trao đổi huyết tương được kết nối sẵn với bộ dây dẫn: - Thể tích máu của cả bộ quả lọc: 127 ml ±10% - Diện tích màng hiệu dụng: 0,35 m2 - Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng: Polypropylene - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 330 µm - Độ dày thành sợi lọc: 150 µm - Thể tích máu trong sợi lọc: 41 ml ±10% - Tốc độ máu tối thiểu: 100 ml/phút - Tốc độ máu tối đa: 400 ml/phút	80	Bộ
120	Bộ quả lọc máu liên tục	Quả lọc máu liên tục có gắn Heparin kèm bộ dây dẫn có 3 chức năng: loại bỏ Cytokine, loại bỏ nội độc tố, lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết) Chất liệu: - Màng lọc cấu tạo 3 lớp: + Sợi rỗng AN69 (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer) + PolyethyleneImine (PEI) + Bề mặt sợi lọc được gắn heparin (4500+/-1500 IU/m2) - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Vách đầu quả lọc: Polyurethane - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG Tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Thông số kỹ thuật của quả lọc - TMP tối đa* (mmHg/kPa): 450/60 - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc (±10%): 193 ml - Diện tích màng: 1,5m2 - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240µm - Độ dày thành sợi lọc: 50µm - Tốc độ máu: 100 - 450 ml / phút - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 30 kg	100	Bộ
121	Quả lọc máu hấp phụ	Bộ quả lọc hấp phụ than hoạt tính: Chất liệu: - Vỏ quả: Polypropylene - Chất hấp phụ: Than hoạt phủ Cellulose Diện tích hấp phụ: 300.000 m2 Độ dày màng: 3 - 5µm Kích thước lỗ: 450µm Thể tích máu trong catridge: 260ml	50	Bộ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
122	Quả lọc máu dùng cho liệu pháp thay thế thận liên tục	Màng lọc máu cấp cứu; chất liệu: Polysulfone; tiệt khuẩn bằng tia Gamma; diện tích bề mặt 2.0 ㎡, hệ số sàng: Myoglobine = 0.55; β2-microglobulin =0.8; Albumin = 0.005	400	Cái
123	Quả lọc huyết tương	Màng lọc tách huyết tương diện tích 0.5 m2, chất liệu polyethersulfone, đường kính trong sợi màng 300 micromet , dày sợi màng 100 micromet , kích thước lỗ màng tối đa 0.5 micromet, tiệt trùng ETO, thể tích ngăn máu 48 ml , thể tích ngăn plasma 154 ml , tốc độ máu 60 - 180 ml/phút , tốc độ plasma = 30% tốc độ máu , áp lực xuyên màng tối đa 100mmHg	20	Cái
124	Bộ Kit cho máy lọc máu liên tục	1 bộ kit dùng trong lọc huyết tương gồm: - 1 quả lọc Plasma, chất liệu màng polysulfone, diện tích màng 0.6 m², tiệt trùng bằng hơi nước INLINE - 1 bộ cassette - 1 bộ dây MPS substituate - 1 túi thải 10L	50	Kít
125	Bộ Kit cho máy lọc máu liên tục	1 bộ kit dùng trong lọc máu liên tục gồm: - 1 quả siêu lọc, chất liệu màng polysulfone, diện tích màng 1.4 m², tiệt trùng bằng hơi nước INLINE - 1 bộ cassette - 1 bộ dây substituate - 1 bộ dây dialysate	300	Kít
126	Kim tách nước	Kim tách nước các cỡ Đóng gói vô trùng	60	Cái
127	Ống cầm máu thực quản	Ống silicone cầm máu thực quản dạ dày: 03 nhánh có 02 bóng chèn, van cho bóng chèn thực quản, van cho bóng chèn dạ dày, bóng Pilot, Stylet dẫn đường làm bằng thép không gỉ, trên ống có vạch đanh dấu độ sâu từ 25cm đến 50cm. Bóng chèn dạ dày dài 60mm, thể tích 30ml. Bóng chèn thực quản dài 140mm, áp lực khuyến cáo sử dụng 4.0 kPa(30mmHg), áp suất bóng khi đường kính ngoài 32mm(áp suất tối đa) 5.3 kPa (40mmHg). Chiều dài ống 950mm. Tiêu chuẩn: ISO 13485.	20	Cái
128	Đầu tán sỏi (Điện cực cho máy tán sỏi ngoài cơ thể)	Thông số kỹ thuật - Điện cực dạng Bougi - Khe đánh lửa: 0,6 mm - Điện thế hoạt động: 5,5 – 14 KV (Kilo Volt)	150	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
129	Kim đốt sóng cao tần	Kim điện cực đơn CoolTip E series. Độ dài kim 15cm, đầu điện cực 2cm. Chất liệu: thép không gỉ. Độ dày kim 17 Gauge.	5	Bộ
130	Kim đốt sóng cao tần	Bộ đa điện cực CoolTip E Series. Bộ 2 kim. Độ dài kim 15cm, đầu điện cực 3cm. Chất liệu: thép không gỉ. Độ dày kim 17 Gauge. Đóng gói 1 bộ/hộp	5	Bộ
131	Kim đốt sóng cao tần	Bộ đa điện cực CoolTip E Series. Bộ 3 kim. Độ dài kim 15cm, đầu điện cực 3cm. Chất liệu: thép không gỉ. Độ dày kim 17 Gauge. Đóng gói 1 bộ/hộp	5	Bộ
132	Kim đốt sóng cao tần	Kim điện cực đơn CoolTip E series. Độ dài kim 14.4cm, đầu điện cực 0.7cm. Chất liệu: thép không gỉ. Độ dày kim 17 Gauge.	20	Cái
133	Kim đốt sóng cao tần	Kim điện cực đơn CoolTip E series. Độ dài kim 15cm, đầu điện cực 1cm. Chất liệu: thép không gỉ. Độ dày kim 17 Gauge.	20	Cái
134	Hơi Co2	Dung tích: 40 lít; khối lượng khí: (25 ±0,5)kg/bình; Độ tinh khiết CO2 ≥ 99,9% (tt/tt) Tiêu chuẩn ISO 9001-2015	100	Chai
135	Bình khí EO đơn liều 8-170	Chứa 100% ethylene oxide, cung cấp lượng ethylene oxide xác định trước cho mỗi chu trình tiệt trùng, sử sụng với máy 3M ™ Steri-Vac ™ * Sản phẩm sử dụng 1 lần đơn liều an toàn, giúp giảm nguy cơ rò rỉ khí và phơi nhiễm EO. * Được thiết kế an toàn cho người vận hành, bình gas chỉ bị thủng khi cửa buồng được đóng kín và chân không thích hợp đã được hút bên trong buồng tiệt khuẩn áp suất âm. * Dễ sử dụng, tiết kiệm chi phí và hiệu quả * Không chứa CFC/HCFC (Hydrochlorofluorocarbon) * Với bình khí Steri-Gas, người vận hành cần bình gas cồng kềnh, nặng nề để xử lý, và không ần trang bị ống mềm, van và bộ lọc để điều chỉnh hoặc thay thế. * Mỗi bình có mã vạch 2D được mã hóa bằng mã sản phẩm, số lô, hạn sử dụng và trọng lượng của bình	50	Bình
136	Oxy dược dụng bình 10L	Oxygen ≥ 99,5% (tt/tt) , tạp chất: H2O ≤ 60 mg/l, CO2 ≤ 0,03% (tt/tt), CO ≤ 5/triệu (tt/tt); Giới hạn acid kiềm, các chất oxy hóa phải đạt theo phương pháp thử của Dược điển Việt Nam V chuyên luận về Oxygen [Nếu khí oxygen được sản xuất bằng quy trình phân đoạn khí hóa lỏng thì không cần chứng minh 02 tiêu chí CO2 ≤ 0,03% (tt/tt) và CO ≤ 5/triệu (tt/tt)] Tiêu chuẩn ISO 9001-2015	1.200	Chai

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
137	Oxy lỏng dược dụng	Oxygen ≥ 99,6% (tt/tt) , tạp chất: H2O ≤ 60 mg/l, CO2 ≤ 0,03% (tt/tt), CO ≤ 5/triệu (tt/tt); Khí được nạp vào bồn chứa của bệnh viện bằng xe chuyên dụng. Tiêu chuẩn ISO 9001-2015	300.000	Kg
138	Hemo clip 11mm	Hemoclip độ mở 11mm (xoay 360 độ) dùng một lần dùng để kẹp các mô mềm, chảy máu dạ dày, đánh dấu dưới nội soi, Clip có thể được đóng mở nhiều lần, xoay được 360 độ; thiết kế khóa tay cầm và đầu tip không gây tổn thương tránh làm tổn hại đến dây soi sau khi nhả clip; độ mở ngàm 11mm; đk vỏ ngoài ống 2.6mm; chiều dài làm việc từ 1550mm đến 2700mm; đk kênh làm việc tối thiểu 2.8mm.	200	Cái
139	Hemo clip 16mm	Hemoclip độ mở 16mm (xoay 360 độ) dùng một lần dùng để kẹp các mô mềm, chảy máu dạ dày, đánh dấu dưới nội soi, Clip có thể được đóng mở nhiều lần, xoay được 360 độ; thiết kế khóa tay cầm và đầu tip không gây tổn thương tránh làm tổn hại đến dây soi sau khi nhả clip; độ mở ngàm 16mm; đk vỏ ngoài ống 2.6mm; chiều dài làm việc từ 1550mm đến 2700mm; đk kênh làm việc tối thiểu 2.8mm.	200	Cái
140	Huyết áp đồng hồ	* Máy đo huyết áp: 20-300mmHg. Độ chính xác: ± 3mmHg. Hệ thống khí: Băng quấn Velcro với túi latex; Bóng bóp kèm van. Khối lượng: 430g * Tai nghe: Đầu ống nghe làm bằng nhôm, tai nghe làm bằng đồng, dây dẫn bằng cao su. Dây chữ Y bằng PVC (Xám hoặc đen) . Khối lượng : 130 g Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 (DIN EN ISO 13485:2016); EC	50	Bộ
141	Bao huyết áp cho máy theo dõi bệnh nhân	Bao huyết áp , Kích thước bao 13cm , dải rộng bao từ 23-33 cm. Dùng cho người lớn, trẻ lớn	20	Cái
142	Bao huyết áp cho máy theo dõi bệnh nhân	Bao huyết áp , Kích thước dải rộng bao từ 23-33 cm. Dùng cho người lớn	30	Cái
143	Cáp điện tim	Dây cáp dài 2m, chuẩn IEC. Đầu cáp cắm vào điện cực chi, điện cực trước ngực đường kính 3mm. Nhiệt độ hoạt động 5-40 độ, độ ẩm 25-95%	8	Bộ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
144	Đồng hồ giảm áp oxy	Nguyên lý hoạt động: Sản phẩm có một đầu kết nối với nguồn oxy, đầu ra kết nối với người bệnh cần khí oxy. Đồng hồ oxy y tế có thể kiểm tra áp suất oxy và điều chỉnh lưu lượng bằng cột lưu lượng. - Áp lực đầu vào: 15Mpa - Áp lực đầu ra: 0,2 – 0,3Mpa - Van an toàn: 0,35 ± 0,05Mpa - Lưu lượng: 1 – 15L/ phút - Áp suất tối đa 0.142Mpa - Dưới 14700kpa, 150kgs/ cm¬2 - Bình làm ẩm thể tích 200ml - Không sử dụng dầu	60	Cái
145	Giấy ảnh máy siêu âm mắt	Type USP -110S, kích thước 110mm x 20 m, bảo quản từ 5-30˚C. Đạt tiêu chuẩn ISO. Hộp 10 cuộn. Số lượng in: 215 bản in. Sử dụng được cho máy siêu âm Sony.	50	Cuộn
146	Giấy điện tim	Dùng cho máy điện tim 12 cần; Kích thước: 210mmx140mmx200 tờ	100	Tập
147	Giấy điện tim 6 cần	Dùng cho máy điện tim 6 cần Nihon Konden; Kích thước: 110mmx140mmx143 tờ	50	Tập
148	Giấy điện tim 3 cần tập	Dùng cho máy điện tim 3 cần. Kích thước: 63mmx100mmx300 tờ	5	Tập
149	Giấy ghi kết quả sản khoa	150MM X 90MM X 150 Tờ	50	Tập
150	Giấy in	Dùng được cho máy nước tiểu . cao 57mm, đường kính 45mm	30	Cuộn
151	Giấy siêu âm	Type UPP -110S, kích thước 110mm x 20 m. Hộp 10 cuộn. Số lượng in: 215 bản in. Sử dụng được cho máy siêu âm Sony.	200	Cuộn
152	Giấy siêu âm tim Canon	1 hộp gồm 108 tờ . Tương thích dùng cho máy in màu canon	100	Hộp
153	Giấy điện tim	Kích thước: 112 mm x 90 mm x 300 sheets, dùng cho máy điện tim. Đạt tiêu chuẩn : ISO 13485:2016; CE	200	Tập
154	Kìm bấm sinh thiết cổ tử cung	Chất liệu thép không gỉ	5	Cái
155	Snare (thòng lọng) cắt Polyp	Đường kính kênh làm việc tối thiểu: 2.8mm. Chiều dài làm việc: 2300mm. Đường kính của lọng có độ mở tối đa: 25mm. Độ dày của dây lọng thắt: 0.47mm	15	Cái
156	Kìm sinh thiết dạ dày	Đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm. Chiều dài làm việc 1550mm. Vỏ ngoài được mã hóa màu	5	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
157	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản nhiều vòng Speedband Superview Super 7™ được sử dụng để thắt nội soi tĩnh mạch thực quản và trĩ hậu môn trực tràng. Speedband Superview Super 7 bộ thắt tĩnh mạch thực quản bao gồm hai thành phần chính : Bộ thắt, Thiết bị xử lý với dây bẫy và dây buộc mục tiêu.	10	Cái
158	Kim tiêm cầm máu	Kim chích cầm máu nội soi Chiều dài làm việc 2300mm, tương thích đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm, chiều dài kim 4mm, đường kính kim 23G. Kim vát góc 30 độ	50	Cái
159	Kìm gắp dị vật	Ngàm răng chuột, đường kính kênh làm việc tối thiểu, chiều dài làm việc 1650mm, độ rộng khi mở 14,9mm	3	Cái
160	Hotbiosy (cắt Polyp)	Ngàm Oval, chiều dài làm việc 2300mm, kích thước kênh tối thiểu 2.8mm	10	Cái
161	Bộ dây đo áp lực nội sọ tại não thất, cố định bằng cách tạo đường hầm trên da đầu, kèm dẫn lưu dịch não tuỷ	Catheter có gắn cảm biến (sensor) ở đầu nằm trong ống dẫn silicon 3mm, có que dẫn đường, có dây dẫn lưu dịch não tủy ra ngoài để giải áp và có vạch đánh dấu độ sâu Mũi khoan xương sọ, đường kính 3,5mm có thể điều chỉnh độ sâu Que điều chỉnh độ sâu mũi khoan Trocar có ống tạo đường hầm Vòng nhựa cố định Nút khóa để dẫn lưu dịch não tủy ra ngoài	5	Bộ
162	Bộ dây đo áp lực nội sọ và nhiệt độ nội sọ tại não thất kèm lưu dịch não tuỷ	Catheter có gắn cảm biến, nằm trong ống dẫn silicon 3mm, có que dẫn đường, có dẫn lưu dịch não tủy ra ngoài, có vạch chia centimet để xác định độ sâu Mũi khoan xương sọ, đường kính 3,5 mm, có thể điều chỉnh độ sâu Que điều chỉnh độ sâu mũi khoan Trocar có ống tạo đường hầm Vòng cố định Khóa dẫn lưu dịch não tủy ra ngoài	5	Bộ
163	Bộ dây đo áp lực nội sọ tại nhu mô có chốt cố định trên hộp sọ	Catheter làm bằng polyamid, gắn cảm biến (sensor) ở đầu, đường kính 0,7mm Chốt có vít vặn chặt Vòng nhựa để điều chỉnh độ sâu của chốt Mũi khoan đường kính 2,7mm có thể điều chỉnh độ sâu Que điều chỉnh độ sâu mũi khoan Que thông (dùi chọc màng cứng)	5	Bộ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
164	Bộ dây đo áp lực và nhiệt độ nội sọ tại nhu mô não có chốt cố định trên hộp sọ	Catheter làm bằng polyamid, gắn cảm biến ở đầu, đường kính 0,7 mm Chốt có vít chặt Vòng nhựa để điều chỉnh độ sâu Mũi khoan đường kính 2,7 mm, có thể điều chỉnh độ sâu Que điều chỉnh độ sâu cho mũi khoan Dùi chọc thủng màng cứng	5	Bộ
165	Bao cao su	Được sản xuất từ cao sư thiên nhiên bằng công nghệ nhúng có màu sắc tự nhiên, co giãn tốt	4.000	Chiếc
166	Mũ giấy	Vải không dệt polypropylen cao cấp. Màu xanh đồng đều, không loang bẩn, ko dính tạp chất. Không kích ứng da. Độ co giãn tốt. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas	55.000	Chiếc
167	Que đè lưỡi gỗ đã tiệt trùng	Que đè lưỡi gỗ: Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. - Gỗ được hấp chín trước khi đưa vào sản xuất và sấy khô, đánh bóng khi ra thành phẩm nên đạt độ cứng, nhẵn cao, an toàn trong sử dụng. - Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	3.000	Cái
168	Dây garo	Kết hợp sợi poly, sợi cao su lưu hóa, và sợi cotton theo tỉ lệ 2:1:2	400	Sợi
169	Giấy dán mi mắt	Kích thước: 10cm x 12cm. * Bao bì plastic đảm bảo vô khuẩn riêng từng miếng băng.* Lớp film Polyurethane trong suốt: + Chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập, rào cản chống virus có đường kính 27nm hoặc lớn hơn (HIV-1 và HBV). + Giúp quan sát và theo dõi liên tục vùng tiêm và vùng cố định + Thông thoáng, cho phép hấp thụ oxy và thải hơi ẩm, giúp da không bị hầm bí trong suốt thời gian dán băng. + Mềm dẻo, co giãn theo chuyển động của da* Nền keo Acrylate, độ dính tốt và hạn chế kích ứng da, không sót keo khi tháo băng ra.* Khung viền giấy giúp dễ cầm khi dán băng giúp băng không bị dính vào nhau khi thao tác.* Nhãn ghi chú ngày giờ dán băng Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFS,…(hoặc tương đương)	1.500	Miếng
170	Vòng thắt búi trĩ bằng cao su	Vòng thắt búi trĩ bằng cao su, hộp 100 chiếc	8	Chiếc
171	Casset nhựa	Cassette có lỗ dạng khe, dùng cho mẫu thường quy và có nắp rời kèm theo, bản lề nắp có thể đảo ngược	6.500	Cái
172	Áo phẫu thuật	Size số 2-3 được làm bằng vải không dệt màu xanh nhạt, chiều dài thân áo từ cổ đến đầu gối, đóng trong túi kín.	500	Cái
173	Bóng đèn	Bóng đèn máy AU480, 12V-20W	2	Cái
174	Bóng đèn	24V-50W	2	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
175	Bóng đèn cực tím	Công dụng: Tiệt trùng phòng, có nhiều kích cỡ. Kích thước: 90cm	2	Cái
176	Bóng đèn đọc phim Xquang	Đèn đọc phim dùng đọc phim MRI, CT, X-Quang,sử dụng độ sáng ở bề mặt trước,tự động bật sáng khi cài phim hoặc công tắc tiện dụng tay, ánh sáng đồng đều,trên giá đẩy, giá để bàn hoặc treo tường, nguồn điện: 220VAC, khung đèn inox, bóng đèn led, tăng phô , dimmer điều chỉnh độ sáng , dây điện 2m ,kích thước : 45cmx72cm	2	Cái
177	Đèn cực tím	Đèn cực tím tập trung các tia sáng cực tím dùng tiệt trùng trong y tế, thực phẩm, công nghiệp, đèn cực tím được thiết kế có kết cấu an toàn, chắc chắn, dây dẫn điện nguồn dài 1.8m, loại bóng UV 30W,công suất: 30W, 36W, 60W, 72W,loại treo tường có kích thước: 90cm,máng đèn chất liệu inox.	2	Bộ
178	Đèn đặt nội khí quản (Người lớn)	Thông số, chi tiêu kỹ thuật: - Với bóng đèn chân không 2,7V đáng tin cậy chiếu sáng tốt vùng thăm khám. - Bóng đèn được thiết kế dễ dàng tháo lắp ở đầu lưỡi. - Có thể hấp tiệt trùng lưỡi ở nhiệt độ 134 độ C trong vòng 5 phút. - Lưỡi làm bằng thép không gỉ, bề mặt dễ dàng lau chùi. - Tất cả các lưỡi đều tương thích với cán pin tuân theo tiêu chuẩn ISO 7376. Lưỡi đèn đặt nội khí quản: - Các lưỡi cong Macintosh từ số 0-1-2-3-4-5, kèm bóng đèn nằm trên lưỡi. - Các lưỡi thẳng Miller từ số 00-0-1-2-3-4, kèm bóng đèn nằm trên lưỡi. Cán tay cầm: Sử dụng 2 pin trung type C hoặc 2 pin tiểu type AA. Cán pin đường kính: 28mm hoặc 19mm. Cấu hình bao gồm: - 03 Lưỡi cong Macintosh hoặc 03 Lưỡi thẳng Miller - 01 Cán tay cầm pin trung hoặc Cán tay cầm pin tiểu - 01 Hộp đựng - 01 Hướng dẫn sử dụng	15	Bộ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
179	Đèn đặt nội khí quản (Trẻ em)	Thông số, chi tiêu kỹ thuật: - Với bóng đèn chân không 2,7V đáng tin cậy chiếu sáng tốt vùng thăm khám. - Bóng đèn được thiết kế dễ dàng tháo lắp ở đầu lưỡi. - Có thể hấp tiệt trùng lưỡi ở nhiệt độ 134 độ C trong vòng 5 phút. - Lưỡi làm bằng thép không gỉ, bề mặt dễ dàng lau chùi. - Tất cả các lưỡi đều tương thích với cán pin tuân theo tiêu chuẩn ISO 7376. Lưỡi đèn đặt nội khí quản: - Các lưỡi cong Macintosh từ số 0-1-2-3-4-5, kèm bóng đèn nằm trên lưỡi. - Các lưỡi thẳng Miller từ số 00-0-1-2-3-4, kèm bóng đèn nằm trên lưỡi. Cán tay cầm: Sử dụng 2 pin trung type C hoặc 2 pin tiểu type AA. Cán pin đường kính: 28mm hoặc 19mm. Cấu hình bao gồm: - 03 Lưỡi cong Macintosh hoặc 03 Lưỡi thẳng Miller - 01 Cán tay cầm pin trung hoặc Cán tay cầm pin tiểu - 01 Hộp đựng - 01 Hướng dẫn sử dụng	5	Bộ
180	Kẹp xăng	Chất liệu thép không gỉ, dài 13cm	10	Cái
181	Nhiệt kế	• Được làm từ thủy tinh trong suốt, bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân • Nhiệt độ đo được tối đa 35-42°C • Đo ở miệng: Đặt đầu có bầu kim loại dưới lưỡi và ngậm chặt miệng lại. Không nói chuyện hoặc cắn nhiệt kế khi sử dụng. • Chú ý: Không sử dụng cách này cho trẻ em • Đo ở nách : Nếu đặt ở nách thì để bầu thủy ngân vào hõm nách(bẹn), khép cánh tay vào ngực để kẹp giữ ống thủy . • Đặt nhiệt kế tối thiểu 5 phút ở miệng hoặc nách. • Xoay nhẹ nhiệt kế để nhìn xem mức thủy ngân.	150	Chiếc
182	Ăng cấy nhựa dùng 1 lần	Bịch 50 que vô trùng, đóng gói 2 que/ túi. Dùng để cấy vào đĩa thạch	200	Cái
183	Thìa nạo cổ tử cung	Làm bằng thép không gỉ, tiêu chuẩn CE, có thể hấp sấy ở nhiệt độ 134˚C - Chứng chỉ ISO 13485	2	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
184	Bộ túi chứa dịch giảm đau	Bộ đầy đủ gồm túi chứa dịch giảm đau 200ml với dây truyền dịch chống gập dài 150cm, đoạn để ép dịch truyền, bộ phận loại bỏ không khí kích thước 1,2 micron Dùng cho máy bơm giảm đau Rythmic Evolution: - Cho phép cài đặt/ lập trình được đầy đủ các chế độ bơm truyền: + Liên tục + Chỉ tiêm Bolus + Liên tục + tiêm Bolus + Lập trình bơm tự động ngắt quãng PIEB kết hợp PCA - Có thể lập trình chính xác các thông số theo phác đồ chuyên môn bằng phần mềm kết nối máy tính - Độ chính xác cao ±5% - Có thể nâng cấp tính năng tự động nhắn tin SMS cảnh báo và quản lý từ xa telemedicine qua mạng	1.000	Bộ
185	Lam kình mài	Nguyên vật liệu: Kính trung tính đạt chuẩn Độ dày: 1.0-1.2 mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm(1” x 3”) ±1mm. Mài mờ 1 đầu. Bề mặt phẳng, không mốc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC.	300	Hộp
186	Phim chụp X Quang kỹ thuật số	Dòng phim thang xám kỹ thuật số trực tiếp thế hệ thứ 2 Nền PET dày 168 µm, phủ lớp muối bạc nhạy nhiệt Tính chất nhạy nhiệt giúp thay phim dễ dàng dưới môi trường sáng thông thường Đóng gói 100 tờ/hộp, bao bì hoàn toàn có thể tái chế Chứng nhận ISO 13485, CE Lưu trữ sau khi in: Phù hợp tiêu chuẩn ANSI IT 9.11 và IT 9.19 Phù hợp với các dòng máy in Drystar	3.000	Tờ
187	Phim chụp X Quang kỹ thuật số	Phim nhiệt khô cỡ 20x25 cm tương thích máy in phim nhiệt Fujifilm, hộp 100 tờ sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường. Phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp phim, lớp nhạy nhiệt, lớp bảo vệ	35.000	Tờ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
188	Phim chụp X Quang kỹ thuật số	- Phim khô laser tương thích với máy Laser Trimax, kích thước 8x10" CE (20x25cm) hộp 125 C772 - Phim khô laser kết hợp những ưu điểm của phương pháp tia Laser khô với hình ảnh chất lượng cao từ phim có lớp nền xanh, polyester độ dày 7 mil phù hợp với các loại máy in Laser và ứng dụng hình ảnh. Với độ nhiễu thấp, mật độ đồng nhất cao và khả năng hiển thị hình ảnh rõ ràng và thống nhất giúp cho các chuẩn đoán có độ chính xác cao. - Có thể lưu trữ hình ảnh ≥ 100 năm ở nhiệt độ ≤ 25°C, độ ẩm khoảng 30-50%R - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA, CFS hoặc tương đương	10.000	Tờ
189	Phim chụp X Quang kỹ thuật số	Phim nhiệt khô cỡ 35x43 cm tương thích máy in phim nhiệt Fujifilm, hộp 100 tờ sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường. Phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp phim, lớp nhạy nhiệt, lớp bảo vệ	20.000	Tờ
190	Ống 0,1 ml theo máy realtime PCR	- Thành phần: 250 strip, mỗi strip gồm 4 ống kèm nắp cho 1000 test - Thể tích mẫu từ 10–50 µl	2	hộp
191	Ống 0,2 ml theo máy realtime PCR	- Thành phần: 1000 ống thành mỏng cho 1000 test - Thể tích mẫu: 20–50 µl	4	hộp
192	Ống ly tâm 1,5 ml	Ống chia độ bằng Polypropylen 1,5ml có nắp trên bằng phẳng. Khác với ống Polystryrene, ống Polypropylene trơ với hóa chất chịu được tốc độ ly tâm 16.000g. Có thể hấp tiệt trùng. Các ống có nắp trên bằng phẳng rất dễ đánh dấu. Chịu được nhiệt độ -80°C~121°C. Kích thước: Đường kính ngoài: 10,7mm , Chiều dài: 4,1mm	8	túi
193	Ống ly tâm 2 ml	Ống chia độ Polypropylene 2ml có nắp trên bằng phẳng. Khác với ống Polystryrene, ống Polypropylene trơ với hóa chất chịu được tốc độ ly tâm 16.000g. Có thể hấp tiệt trùng. Các ống có nắp trên bằng phẳng rất dễ đánh dấu. Chịu được nhiệt độ -80°C~121°C.	8	túi
194	Ống đựng mẫu theo máy	- Ống 2mL đáy nhọn, nắp vặn, không chân đế - Sử dụng với hệ thống QIAcube và QIAcube connect	8	Hộp
195	Dây silicol nối lệ quản	chiều dài dây 40mm; đường kính dây 0,64mm, Đường kính viền nút 2mm vô trùng	50	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
196	Thuỷ tinh thể nhân tạo	- Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, phi cầu, một mảnh. - Chất liệu : Hydrophilic Acrylic. Đường kính optic: 6 mm. - Chiều dài tổng thể : 12,5 mm Dùng cho vết mổ : 2,2 mm. - Dải công suất : -10D đến +34D. - IOL đặt sẵn trên hệ thống súng	3.000	Cái
197	Quả lọc máu hấp phụ điều trị suy thận mạn	Vật liệu vỏ Polycarbonate. Vật liệu hấp phụ: Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer, có tính tương thích và an toàn sinh học. Thể tích hấp phụ: 130mL. Thể tích khoang máu: 110mL. Diện tích hấp phụ: 52.000m2. Lưu lượng máu tối đa: 250mL/phút. Nội trở tối đa 4kPa. Áp suất chịu đựng tối đa 100kPa. Độ chịu lực của hạt: 8,1N. Dải hấp phụ: 5~30kDa. Phương thức khử trùng: Chiếu xạ. Năng lực hấp phụ sau 2h trên invivo: PTH: 53.4%; β2-MG: 44.7%; Creatinine: 85%; protein toxins: 42%; IL-6: 21.8%~31.5%.	1.000	Quả
198	Dây nối quả hấp phụ máu và quả lọc	Chất liệu: nhựa PVC y tế, không gây kích ứng. Không Latex. Không gây sốt. Mặt trong thành ống trơn nhẵn giảm lực cản của máu, hiện tượng đóng cặn. Ống dây mềm đảm bảo thoát máu. Kích thước dây: Đường kính trong 4,4mm; Đường kính ngoài 6,7mm; Độ dài 800mm.	1.000	Bộ
Tổng cộng: 198 khoản				

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HOÀ BÌNH

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Thư mời chào báo giá số /TMBG-BVĐKT ngày /8/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hoà Bình)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Matrix Neutral Gel Card	Gel card 6 giếng, mỗi giếng chứa gel trong dung dịch đệm thích hợp; Dùng làm phản ứng hòa hợp, sàng lọc và định danh KTBT, định nhóm máu theo phương pháp hồng cầu mẫu. Hộp 24 card	1.500	Card
2	Matrix AHG (Coombs) Test Card	Gel card 6 giếng, mỗi giếng chứa kháng thể Anti Human IgG và kháng thể đơn dòng Anti C3d (dòng 12011D10). Dùng làm xét nghiệm Coombs trực tiếp; Coombs gián tiếp bao gồm phản ứng hòa hợp, sàng lọc và định danh KTBT. Hộp 24 card	3.504	Card
3	Matrix Diluent 2-LISS	Dung dịch đệm lực ion thấp, với nồng độ Natri clorid thích hợp, phù hợp để sử dụng với gelcard dùng cho xét nghiệm huyết thanh học nhóm máu. Chai 250 ml	15.000	ML
4	Acid Citric	Acid Citric (C6H8O7.H2O)	2.200	Kg
5	Dung dịch chạy thận nhân tạo đậm đặc Bicarbonate	Can 10 lít dd đậm đặc chứa: • Natri Bicarbonate: 840g • Dinatri Edetat. 2H2O: 0,5 g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và EC	60.000	Lít
6	Dung dịch chạy thận nhân tạo đậm đặc Acid	Can 10 lít dd đậm đặc chứa: • Natri clorid: 2708.69g • Kali clorid: 67.10g • Calciclorid.2H2O: 99.24 g • Magnesi clorid.6H2O: 45.75g • Acid acetic băng: 81.00g • Glucose H2O : 494.99g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và EC	42.660	Lít
7	Muối hoàn nguyên	Muối tinh dạng viên tinh khiết lớn hơn 99%	10.000	Kg
8	Dung dịch sát khuẩn màng lọc chứa thành phần Peracitic acid	Thành phần dung dịch chứa: - Hydrogen peroxide: 25% - Peroxyacetic acid: 5% - Acetic Acid: 9% - Nước: 61 % Công dụng: làm sạch và khử trùng màng lọc thận nhân tạo. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO và GMP	300	Can

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
9	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc RENALVN-3A *(Acid)*	Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm: - Natri clorid: ≤ 270,869 g - Kali clorid: ≤ 6,710 g - Calci clorid.2H2O: ≤ 9,924 g - Magnesi clorid.6H2O: ≤4,575 g - Acid acetic băng:≤ 8,100 g - Dextrose monohydrat:≤ 49,499 g (= 45g Dextrose khan) - Nước đạt tiêu chuẩn ISO 13959 vừa đủ: 1.000 ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 Quy cách: Can 10 lít được đóng kín bằng màng seal nhôm Sử dụng tương thích với dịch B (Bicarbonat) theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất	30.000	Lít
10	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc RENALVN-B (Bicarbonat)	Thành phần trong 1000 ml dung dịch gồm: - Natri bicarbonat:≤ 84,0 g - Nước đạt tiêu chuẩn ISO 13959 vừa đủ: 1000 ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 Quy cách: Can 10 lít được đóng kín bằng màng seal nhôm. Sử dụng tương thích với dịch A (Acid) theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất.	41.502	Lít
11	Chai cấy máu nắp xanh hiếu khí	Chai cấy máu cấu tạo bằng polycarbonate, nắp màu xanh, chứa 30ml môi trường và 1.6g hạt polime hấp phụ, phát hiện vi khuẩn hiếu khi và kị khí tùy tiện từ máu và dịch vô khuẩn của cơ thể, sử dụng với hệ thống cấy máu BacT/ALERT	2.000	chai
12	Chai cấy máu nắp vàng trẻ em	Chai cấy máu cấu tạo bằng polycarbonate, nắp màu vàng, chứa 30ml môi trường và 1.6g hạt polime hấp phụ, phát hiện vi khuẩn hiếu khi và kị khí tùy tiện từ máu, sử dụng với hệ thống cấy máu BacT/ALERT	500	chai
13	Bộ nhuộm Gram	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm soi nhuộm. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 250ml, Lugol chai 250ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 250ml và Safranin chai 250ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm (15-25°C) - Đóng gói: Bộ 4 chai x 250ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016	12	Bộ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
14	Thạch máu	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường sử dụng để nuôi cấy các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Sheep blood, Agar, pH: 7.3±0.2 ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp	3.500	Đĩa
15	Thạch nâu	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc, đặc biệt Neisseria spp. và Haemophiluss. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, defibrinated sheep blood, MultiVitox, Agar, pH: 7.3 ± 0.2 ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp	4.000	Đĩa
16	Thạch phân lập và phát hiện vi sinh vật chính gây nhiễm trùng đường tiết niệu	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để chẩn đoán nhận biết và phân biệt tất cả các vi sinh vật chính là nguyên nhân gây nên bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu (UTI). Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Peptone, Chromogenic mix, tryptophane, Agar, pH: 6.8 ±0.2 ở 25°C; Đóng gói: 10 đĩa/Hộp	1.000	Đĩa
17	Thạch kiểm tra thường quy về độ nhạy của các vi khuẩn dễ cấy	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi sinh vật không khó mọc. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Acid Digest of Casein, Beef Extract, Starch, Sodium chloride, Agar; pH: 7.3±0.2 ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp	4.000	Đĩa
18	Thạch kiểm tra thường quy về độ nhạy của các vi khuẩn khó cấy	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi sinh vật khó mọc. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Acid Digest of Casein, Beef Extract, Starch, Sodium chloride, Sheep Blood, Agar, pH: 7.3±0.2 ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp	1.000	Đĩa

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
19	Thạch môi trường	Môi trường thường dùng để thực hiện thao tác kháng sinh đồ trong lâm sàng, được đề xuất bởi CLSI cho kiểm tra sự nhạy cảm với kháng sinh đối với Haemophilus species. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Acid Digest of Casein, Beef Extract, Yeast Extract, Starch, Hematin, NAD, agar, pH 7.3 ± 0.2 Đóng gói: 10 đĩa/Hộp	1.500	Đĩa
20	Thạch nuôi cấy và phân biệt các loại nấm	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường có pH thấp thường dùng để nuôi cấy và phân biệt các loại nấm khác nhau, nấm mốc, nấm men. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Mycological peptone, Glucose (dextrose), Agar, pH: 5.6 ± 0.2 ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp	800	Đĩa
21	Thạch phân lập nhanh và xác định các loài Candida	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường sinh màu dùng cho phân lập và phát hiện nhanh các loài Candida trong lâm sàng. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Peptone; Chloramphenicol; Chromogenic mix; Agar; pH 6.1±0.2 ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp	200	Đĩa
22	Thạch lỏng được dùng để phân biệt vi khuẩn gram âm đường ruột	Ống nhựa trong suốt có nút xoáy vặn chặt chứa môi trường thạch đứng ống dùng để phân biệt vi khuẩn đường ruột dựa trên khả năng di động, sinh H2S và sinh indole Thành phần: Tryptone, Peptone, Ferrous ammonium sulphate, Sodium thiosulphate, Agar, pH 7.3 ± 0.2 ở 25°C Đóng gói: hộp 10 ống, ISO 9001:2015; ISO 13485:2016	1.000	Ống
23	Môi trường thạch màu	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường sinh màu được sử dụng để phân lập và phân biệt Streptococcus nhóm B. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Peptone and yeast extract, Salts, Chromogenic mix, Growth factors mix, Selective mix, Agar; pH: 7.3±0.2 ở 25°C; Đóng gói: 10 đĩa/Hộp	3.000	Đĩa

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
24	Môi trường thường	Ống nhựa trong suốt có nút xoáy vặn chặt chứa môi trường dạng lỏng có kháng sinh dùng để tăng sinh chọn lọc cho liên cầu phế cầu, đặc biệt là liên cầu nhóm B (GBS) Thành phần: Infusion from 450 g fat-free minced meat, Tryptone, Glucose, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Disodium phosphate, Nalidixic acid, Colistin sulfate, pH: 7.8±0.2 ở 25°C Đóng gói: hộp 10 ống, ISO 9001:2015; ISO 13485:2016	1.000	Đĩa
25	Hoá chất dùng cho định danh API	Hóa chất định danh 20E gồm 6 ống hóa chất JAMES, NIT1, NIT2, VP1, VP2, TDA. Đạt tiêu chuẩn ISO	3	Hộp
26	Thanh định danh các loài vi khuẩn thuộc giống Staphylococcus, Micrococus và Kocuria	Thanh định danh các loài vi khuẩn thuộc giống Staphylococcus, Micrococus và Kocuria, gồm 20 giếng chứa các hóa chất đông khô và 6ml môi trường API Staph. Đạt tiêu chuẩn ISO	3	Hộp
27	Hóa chất Zym A dùng cho thanh định danh API Staph	Ống 8ml chứa Tris-hydroxymethyl-aminomethane, Hydrochloric acid, Natri lauryl sulfate. Đạt tiêu chuẩn ISO	3	Hộp
28	Hóa chất Zym B dùng cho thanh định danh API Staph	Ống 5ml chứa Methanol và Dimethylsulfoxide. Đạt tiêu chuẩn ISO	3	Hộp
29	Thanh định danh nhóm hoặc loài streptococci và enterococci	Thanh định danh liên cầu và cầu khuẩn đường ruột, gồm 20 giếng chứa hóa chất đông khô và 2ml môi trường API GP. Đạt tiêu chuẩn ISO	3	Hộp
30	Hóa chất NIN dùng cho thanh định danh API Strep	Ống 5ml chứa Ninhydrin, Methanol, Dimethylsulfoxide. Đạt tiêu chuẩn ISO	3	Hộp
31	Thanh định danh trực khuẩn đường ruột và trực khuẩn G(-) khác	Thanh định danh trực khuẩn đường ruột và các trực khuẩn Gram âm khác, gồm 20 giếng chứa các hóa chất đông khô	3	Hộp
32	Thanh định danh vi khuẩn G(-) hình que, không phải ở ruột, dễ mọc (Pseudomonas, Vibrio, ..)	Thanh định danh trực khuẩn ngoài đường ruột và vi khuẩn Gram âm dễ mọc, gồm 20 giếng chứa các hóa chất đông khô và 7ml môi trường AUX. Đạt tiêu chuẩn ISO	2	Hộp
33	Dầu khoáng dùng cho thanh định danh API	Dầu khoáng	3	Lọ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
34	Khoanh giấy định danh Streptococcus pneumoniae	Khoanh giấy phát hiện nhanh enzyme cytochrome oxidase (Oxidase) ở vi khuẩn. Hộp gồm 5 cartridge, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm tẩm N,N,N',N'-tetramethyl-1,4-phenylenediamine. Đạt tiêu chuẩn ISO	3	Hộp
35	Khoanh giấy Oxidase	Hộp gồm 5 cartridge, mỗi cartridge gồm 50 khoanh Optochin 5µg để định danh Streptococci pneumoniae. Đạt tiêu chuẩn ISO	1	Hộp
36	Khoanh giấy kháng sinh Amoxicillin/Clavulanic Acid 30µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	10	Hộp/gói
37	Khoanh giấy kháng sinh Amikacin 30µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	8	Hộp/gói
38	Khoanh giấy kháng sinh Ampicillin/Sulbactam 20µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	8	Hộp/gói
39	Khoanh giấy kháng sinh Azithromycin 15µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3	Hộp/gói
40	Khoanh giấy kháng sinh Cefixime 5µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6	Hộp/gói
41	Khoanh giấy kháng sinh Cefotaxime 30µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6	Hộp/gói

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
42	Khoanh giấy kháng sinh Ceftazidime 30µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	8	Hộp/gói
43	Khoanh giấy kháng sinh Ceftriaxone 30µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5	Hộp/gói
44	Khoanh giấy kháng sinh Cefuroxime 30µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5	Hộp/gói
45	Khoanh giấy kháng sinh Ciprofloxacin 5µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	8	Hộp/gói
46	Khoanh giấy kháng sinh Clarithromycin 15µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3	Hộp/gói
47	Khoanh giấy kháng sinh Doxycycline 30µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	8	Hộp/gói
48	Khoanh giấy kháng sinh Sulfamethoxazole/ Trimethoprim 25µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	8	Hộp/gói
49	Khoanh giấy kháng sinh Gentamicin 10µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3	Hộp/gói

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
50	Khoanh giấy kháng sinh Imipenem 10µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	8	Hộp/gói
51	Khoanh giấy kháng sinh Levofloxacin 5µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	8	Hộp/gói
52	Khoanh giấy kháng sinh Meropenem 10µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	8	Hộp
53	Khoanh giấy kháng sinh Piperacillin/Tazobactam 110µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	8	Hộp/gói
54	Khoanh giấy kháng sinh Tobramycin 10µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	8	Hộp/gói
55	Khoanh giấy kháng sinh Vancomycin 30µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1	Hộp/gói
56	Khoanh giấy kháng sinh Ofloxacin 5µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6	Hộp/gói
57	Khoanh giấy kháng sinh Netilmicin 30µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	2	Hộp/gói

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
58	Khoanh giấy kháng sinh Clindamycin 2µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	2	Hộp/gói
59	Khoanh kháng sinh Piperacillin 100µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3	Hộp/gói
60	Khoanh kháng sinh Oxacillin 1µg	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	2	Hộp/gói
61	Thạch môi trường tăng trưởng vi sinh vật	Môi trường tiêu chuẩn dùng để xét nghiệm nhạy cảm kháng sinh/ kháng sinh đồ. Thành phần bao gồm: Casein hydrolysate 17.5g/lit, Beef infusion from 300g 2.0g/lit, Starch 1.5g/lit, Agar 17.0g/lit, pH cuối ở 25°C: 7.3 ± 0.1. Đạt tiêu chuẩn ISO	8	Hộp
62	Dung dịch kovac	Hóa chất phát hiện phát hiện tạo indole từ tryptophan. Lọ 25ml chứa Dimethylamino-4-benzaldehyde, Hydrochloric acid, Amyl alcohol Đạt tiêu chuẩn ISO	500	lọ
63	MCFARLAND STANDARD	Hộp gồm 6 ống chuẩn McFarland (0.5, 1, 2, 3, 4, 5) có đường kính 17.75mm. Đạt tiêu chuẩn ISO	2	Bộ
64	Môi trường có độ sắc tố	Thành phần Peptone 15.0 Chromogenic mix 26.3 Agar 15.0 Final pH 6.8 ± 0.2	4	Lọ
65	Dung dịch nhuộm EA50	Dung dịch nhuộm Papanicolaou EA-50, dạng lỏng, màu xanh, mùi cồn tự nhiên, có thể hòa tan trong nước - Điểm nóng chảy / điểm đóng băng: ~ -114°C - Điểm sôi và Phạm vi sôi: 78-80 °C - Điểm nóng chảy / Điểm đóng băng: -89.5ºC - Điểm chớp cháy: ~13 °C - Thành phần gồm có: - Ethyl Alcohol ~85%; Nước 5%; Isopropyl Alcohol ~4%; Methyl Alcohol ~4%; Muối Eosin Y disodium <3%; Phosphotungstic Acid <5%; Fast Green FCF <3%	3	Chai

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
66	Dung dịch nhuộm OG6	Dung dịch nhuộm Papanicolaou OG-6, dạng lỏng, màu cam, mùi cồn tự nhiên, có thể hòa tan trong nước - Điểm nóng chảy / điểm đóng băng: ~ -114°C - Điểm sôi và Phạm vi sôi: 78-80 °C - Điểm nóng chảy / Điểm đóng băng: -89.5ºC - Điểm chớp cháy: ~13 °C - Thành phần gồm có: - Ethyl Alcohol ~85%; Nước 5%; Isopropyl Alcohol ~4%; Methyl Alcohol ~4%; Phosphotungstic Acid <5%; Orange G <2%	3	Chai
67	Sáp Paraffin	Sáp Parafin hạt tinh khiết chuyên dùng để vùi đúc mẫu bệnh phẩm với các chất phụ gia để tăng cường khả năng thẩm thấu, tạo độ đàn hồi và giúp cắt mẫu dễ dàng. - Tính chất vật lý: - Trạng thái vật lý: Rắn - Màu sắc: Trắng (Rõ ràng ở trạng thái nóng chảy) - Mùi: Hydrocarbon nhẹ - Điểm đóng băng / Điểm nóng chảy: 54.4 – 57.2°C - Điểm chớp cháy: 212.78 °C - Thành phần gồm có: Sáp paraffin tinh khiết và sáp Hydrocarbon > 99%, Benzen, ethenyl-, polymer với 1-methylethenyl) benzen, hydro hóa < 1% - ISO 13485	8	Túi
68	Dung dịch thuốc nhuộm Harris hematoxyline	Dung dịch nhuộm hematoxyline harris, không có thành phần muối thủy ngân clorit, có màu tím đậm, độ pH: 2.3-2.5 - Thành phần gồm có: Nước; Hematoxylin; Muối nhôm; Select Glycols; Select Acid; Select Preservative	2	Chai

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
69	Bộ thuốc nhuộm P.A.S	- Dung dịch Schiif: Sử dụng trong phản ứng tiêu chuẩn Acid-Schiff (PAS) cho chất nhầy trung tính, glycogen, màng đáy và thành tế bào nấm. Một kết quả dương tính tạo ra màu đỏ /đỏ hồng sáng. Dung dịch lỏng không màu, mùi hăng. Thành phần gồm có: Nước : ≤ 97%, Hydrochloric Acid: ≤ 1, Potassium Metabisulfite: ≤ 2, Pararosaniline HCl: ≤ 0.5 - Dung dịch Acid Periodic 1%: - Dung dịch Acid periodic 1% được sử dụng để oxy hóa các yếu tố mô phản ứng thành aldehyd trước khi xử lý bằng thuốc thử Schiff. Dùng một tác nhân oxy hoá là Acid periodic để phá vỡ mối liên kết của 2 nguyên tử C trong một số nhóm hoá học (các nhóm glycol 1 - 2, hydro 1. amino - 2, hydroxy - 1, alkylamino - 2 và hydrõyl - 1, ceto - 2) làm xuất hiện các nhóm aldehyt. Các nhóm aldehyt này nhìn thấy được nhờ phản ứng của thuốc thử Schiff (fuschin basic không màu bởi axit sulfureux) tạo thành chất có màu đỏ. pH: 2,0-2,1. Thành phần gồm có: Nước 99%, acid periodic 1% Bộ gồm (500ml Dung dịch Schiif+500ml Acid Periodic 1%+500ml Acid periodic 1%)	4	bộ
70	Thuốc nhuộm Eosin Y	- Eosin Y dung dịch nhuộm có chứa cồn - Tính chất vật lý: - Dung dịch lỏng màu đỏ - Điểm chớp cháy: ~200C - Độ hòa tan: Có thể hòa tan trong nước - Thành phần gồm có: - Ethyl Alcohol <75%; Nước <25%; Isopropyl Alcohol <5%; Methyl Alcohol <5%; Acetic Acid <5%	2	Chai
71	Dung dịch rửa nội soi bàng quang	Sorbitol 150g/5 lít. Dung dịch được đóng trong can nhựa 5 lít.	180	can
72	Bộ kít Urease test	Để phát hiện nhanh sự hiện diện của vi khuẩn H. pylori trong mảnh sinh thiết dạ dày. Hộp 50 ống	50	Test
73	Gel siêu âm xanh	Gel siêu âm, phù hợp tần số siêu âm đang sử dụng, phù hợp điện cực máy điện tim, điện não. Can 5 lít	25	Can

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
74	Chất keo tụ dùng trong xử lý nước và nước thải	PAC dạng bột có màu vàng chanh, trắng ngà, tan hoàn toàn trong nước và lưu trữ được lâu dài trong điều kiện thường.	500	Kg
75	Que thử hiệu năng Peracetic Acid trong chạy thận nhân tạo	Dùng để thử "hiệu lực"; "hiệu năng" hoặc nồng độ của axit peracetic trong chất khử khuẩn cơ bản có chứa axit peracetic/hydrogen peroxide được dùng để khử khuẩn quả lọc Có thể kiểm tra nồng độ Peracetic Acide từ: 400, 600 và 800 ppm Thời gian nhúng: 1 giây Thời gian đọc kết quả: 10 giây	200	Lọ
76	Que thử hàm lượng clo trong nước chạy thận nhân tạo	Que thử cung cấp một phương tiện nhanh chóng và thuận tiện để chỉ ra mức độ clo thấp (chloramines / clo tự do) trong nước cấp dùng để chạy thận và nồng độ clo tồn dư (chất tẩy clo) còn lại trong nước được sử dụng để súc rửa dụng cụ chạy thận sau khi khử trùng thiết bị thẩm tách máu. Que thử được sử dụng để kiểm tra hàng ngày nước sau nồng độ Clo (chloramines / clo tự do) sau cột làm mềm và dung dịch rửa thiết bị sau khi khử trùng bằng nước Javen. Độ nhạy phát hiện Clo tổng trong nước cấp là 0,1ppm, đối với nước rửa là 0,5ppm theo khuyến cáo của AAMI Đưa ra kết quả trong vòng 30 giây.	200	LỌ
77	Que thử độ cứng của nước	Dùng để kiểm tra độ cứng của nước trong chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống nước RO của bệnh viện. Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 10, 25, 50 và 120ppm Không sử dụng để kiểm tra nước có độ cứng > 120 ppm. Thời gian nhúng: 1 giây Thời gian đọc kết quả: 10 giây	400	LỌ
78	OnSite Duo Dengue Ag - IgG/IgM Rapid Test	Bên trái (Dengue IgG/IgM): Vùng cộng hợp: Cộng hợp vàng kháng nguyên Dengue, cộng hợp vàng kháng thể IgY-gà; -Vạch kết quả G: Kháng thể chuột kháng IgG-người; - Vạch kết quả M: Kháng thể chuột kháng IgM-người; - Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgY-gà; - Bên phải (Dengue Ag): Vùng cộng hợp: Cộng hợp vàng kháng thể kháng Dengue NS1, cộng hợp vàng kháng thể IgY-gà; - Vạch kết quả: Kháng thể chuột kháng Dengue NS1; - Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgY-gà.	500	Test

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
79	OnSite Influenza A/B Rapid Test	Vùng cộng hợp: Cộng hợp vàng kháng thể kháng vi rút cúm A, cộng hợp vàng kháng thể kháng vi rút cúm B; - Vạch kết quả T1: Kháng thể kháng kháng nguyên vi rút cúm; - Vạch kết quả T2: Kháng thể kháng kháng nguyên vi rút cúm B; - Vạch chứng: Kháng thể dê kháng igG-chuột.	450	Test
80	Giem sa	Hoá chất nhuộm Giemsa	1	Chai
81	Vôi Soda	Chế phẩm hóa học có thành phần chính là hỗn hợp canxi Hydroxit (Ca(OH)2) và natri Hydroxit (NaOH)	36	Can
82	Dầu parafin	Dầu màu trắng, không mùi, tron	100	Chai
83	Formaldehyde	Chai 500ml (đệm trung tính)	40	Chai
84	Gel bôi trơn (ky Sterile)	• Gel bôi trơn được sử dụng để bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn âm đạo…đã được tiệt trùng. Nó không gây ra dị ứng, không gây khích ứng da. Hòa tan được trong nước, dễ dàng làm sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn. Không độc hại và không có mùi hôi. • Thành phần chính: Water; Glycerin; Monopropylen; Glycol; Hydroxyl ethyl cellulose; Methyl; Hydroxybenzoate; Citric Acid	50	Tuýp
85	Xylen sinh học (Chất xử lý tế bào- thay thế xylen)	Dung dịch làm sạch trong các quy trình mô học	120	Chai
86	Kit tải lượng HIV	Thông số kỹ thuật: +HI Virus-1 RG Master A 4 x 144 µl + HI Virus-1 RG Master B 4 x 216 µl + HI Virus-1 RG QS1* (1x 10^4 IU/µl) 200 µl + HI Virus-1 RG QS2* (1x 10^3 IU/µl) 200 µl + HI Virus-1 RG QS3* (1x 10^2 IU/µl) 200 µl + HI Virus-1 RG QS4* (1x 10^1 IU/µl) 200 µl + HI Virus-1 RG IC* 1000 µl + Water (PCR grade) 1000 µl Bảo quản: -20°C	20	hộp

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
87	Kit tải lượng HBV	Phát hiện HBV Genotype A - H Khoảng định lượng: 31.6 IU/mL - 2x10^7 IU/mL Độ nhạy phân tích:10.22 IU/mL Thành phần: + HBV RG/TM Master: 7 x 360 µl + HBV RG/TM QS 1* (1 x 10^5 IU/µl): 200 µl + HBV RG/TM QS 2* (1 x 10^4 IU/µl): 200 µl + HBV RG/TM QS 3* (1 x 10^3 IU/µl): 200 µl + HBV RG/TM QS 4* (1 x 10^2 IU/µl): 200 µl. + HBV RG/TM QS 5* (1 x 10^1 IU/µl): 200 µl + HBV RG/TM IC*: 2 x 1000 µl + Water (PCR grade): 1000 µl	20	hộp
88	Kit tách chiết DNA theo máy	Tách chiết DNA hệ gen, ty thể hoặc DNA virus tự động trên QIAcube - Mẫu đầu vào: Máu, dịch cơ thể - Bao gồm: 240 QIAamp Mini Rotor Adapters, QIAGEN Protease, hóa chất, đệm	8	hộp
89	Kit tách chiết RNA theo máy	Bộ kit tách chiết RNA virus tự động trên máy từ dịch cơ thể không có tế bào. Rotor adapter được lắp sẵn để cài đặt nhanh hơn Giảm thiểu thời gian xử lý bằng tay đáng kể Kết quả được chuẩn hóa và quy trình làm việc được sắp xếp hợp lý Thành phần: QIAamp Mini Spin Columns 240 Rotor Adapters 240 Elution Tubes 240 Buffer AVL: 5 x 31 ml Buffer AW1: 95 ml Buffer AW2: 66 ml Buffer AVE: 20 x 2 ml Carrier RNA (poly A) 10 x 310 µg	5	hộp

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
90	Kit tách chiết RNA	Bộ kit tách chiết RNA của virus từ huyết thanh, huyết tương, dịch cơ thể không có tế bào và dịch nuôi cấy - Đóng gói: 250 test/kit - Thành phần bộ kit: + Cột Mini spin: 250 + Ống thu mẫu 2mL: 750 + Đệm AVL: 155 mL + Đệm AW1: 98 mL + Đệm AW2: 66 mL + Đệm AVE: 20 mL + RNA mang (poly A): 1550 µg - Điều kiện bảo quản: 15–25°C	1	hộp
91	Kit tách chiết DNA	Tách chiết DNA tổng số hệ gen, ty thể, virus... - Mẫu đầu vào: mô, tăm bông, máu toàn phần, huyết tương, huyết thanh, dịch cơ thể, tế bào nuôi cấy, mẫu máu khô - Bao gồm: 50 QIAamp Mini Spin Columns, Proteinase K, Hóa chất đệm, Ống thu nhận	2	hộp
92	Ethanol (dùng SHPT)	Cồn 100 độ để làm sinh học phân tử	2	chai
93	Nước dùng cho SHPT	Nước tinh khiết, chuyên dụng cho phòng sinh học phân tử PCR. Nước không chứa Dnase, Rnase	2	chai
94	Dung dịch rửa giải cho xét nghiệm phân tích thành phần huyết sắc tố	Mobile Phase 1 Reagent sẵn sàng sử dụng. Hiệu năng của sản phẩm đã được đánh giá để đảm bảo độ chính xác và tin cậy khi sử dụng, nhằm mục đích sàng lọc các biến thể hemoglobin. .	9.400	ml
95	Dung dịch rửa giải cho xét nghiệm phân tích thành phần huyết sắc tố	Mobile Phase 2 Reagent là dung dịch pha động được sử dụng trong phân tách và định lượng hemoglobin bình tường và biến thể hemoglobin trong máu. Sẵn sàng sử dụng	3.760	ml
96	Dung dịch rửa hệ thống	System Wash Reagent được sử dụng cho xét nghiệm định lượng tỷ lệ glycated hemoglobin toàn phần và/hoặc phân tách và định lượng các hemoglobin bình thường và bất thường trong máu. Sẵn sàng sử dụng	4.700	ml
97	Dung dịch ly giải hồng cầu	Hóa chất 2 Diluent Reagent được sử dụng cho xét nghiệm định lượng nồng độ glycated hemoglobin toàn phần trong mẫu máu toàn phần và/hoặc phân tách và định lượng các loại biến thể hemoglobin trong máu. Sẵn sàng sử dụng	9.400	ml

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
98	Cột sắc ký phân tích thành phần huyết sắc tố	- Chứng chỉ CFS, ISO. Sẵn sàng để sử dụng. Dùng trên hệ thống Ultra 2. Thành phần: Slica gel 90-100%	3	Cột
99	Màng lọc 1 micron	- Màng lọc 1 µm dùng trên hệ thống máy Ultra2	2	Chiếc
100	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm phân tích thành phần huyết sắc tố	Được sử dụng trong chương trình kiểm soát chất lượng của phòng xét nghiệm để xác định tổng lượng huyết sắc tố và biến thể huyết sắc tố trong bệnh lí huyết sắc tố - Bột đông khô, hoàn nguyên trước khi sử dụng - Thành phần: Máu toàn phần ly giải chứa các Hemoglobin F, A, S, C	2.000	µl
101	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm phân tích thành phần huyết sắc tố	Được sử dụng trong chương trình kiểm soát chất lượng của phòng xét nghiệm để định lượng HbF và HbA2- Bột đông khô, hoàn nguyên trước khi sử dụng - Thành phần: máu ly giải toàn phần có chứa các loại Hemoglobin A, F, A2 và S	1.200	µl
102	Test nhanh chẩn đoán bệnh viêm đường ruột do Rotavirus	Độ nhạy, độ đặc hiệu và độ chính xác lâm sàng Hiệu suất của băng thử nghiệm nhanh Rotavirus đã được đánh giá với 361 mẫu bệnh phẩm được thu thập từ trẻ em và thanh niên so với phương pháp ngưng kết latex. Kết quả cho thấy độ nhạy tương đối của băng thử nghiệm nhanh Rotavirus (Phân) là> 99,9% và độ đặc hiệu tương đối là 98,8%. Độ nhạy tương đối: >99.9% (98.4%-100.0%)* Tính đặc hiệu tương đối: 98.8% (95.8%-99.9%)* Độ chính xác tương đối: 99.4% (98.0%-99.9%)* Lưu trữ dưới dạng đóng gói trong túi kín ở nhiệt độ phòng hoặc trong tủ lạnh (2-30 ° C). Thử nghiệm ổn định qua ngày hết hạn được in trên túi niêm phong. Thử nghiệm phải được giữ trong túi kín có chứa chất hút ẩm cho đến khi sử dụng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	400	Test

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
103	Test nhanh chẩn đoán giang mai	Phát hiện định tính các kháng thể (IgG và IgM) đối với Treponema Pallidum (TP) trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người; Độ nhạy: 100% Độ đặc hiệu: 99,7%; Độ chính xác: 99,8; Không có phản ứng chéo với các mẫu dương tính Malaria P.f, Malaria P.v, mẫu chứa yếu tố dạng thấp, dương tính Leprosy, mẫu của phụ nữ mang thai. Bảo quản ở nhiệt độ 2 -30°C. Thanh thử ổn định 48 giờ sau khi mở túi nhôm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	300	Test
104	Test nhanh chẩn đoán HIV	Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút. Không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm (chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương khi xét nghiệm mẫu phẩm là máu toàn phần. Xét nghiệm được cả với mẫu máu toàn phần lấy từ tĩnh mạch bảo quản trong nhiệt độ từ 2-8 độ C tới 07 ngày. Xét nghiệm được với lượng mẫu phẩm sử dụng xét nghiệm là 50uL mẫu. Độ nhạy: 100% Độ đặc hiệu: 99.75% Độ chính xác: 99.6% Hàm lượng chính: Antibody, anti HIV-1, Antibody,Anti HIV-2, Antigen (pGO9-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen, (PjC100)HIV-2, Antigen, (pOM10/PV361) HIV-1, Antigen, (pTB319/XL-1) HIV-1, HIV-1 Peptide Antigen, HIV-2 peptide Antigen. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	13.050	Test

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
105	Test nhanh chẩn đoán viêm gan B	Định tính phát hiện kháng nguyên virus viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần: Cộng hợp: kháng thể chuột kháng HBsAg;Vạch kết quả: Kháng thể dê kháng HBsAg; Vạch chứng: IgG-dê kháng chuột Anti-HBsAg Ig(H35) Antibody; Anti- HBsAg IgG (H35) Antibody; Anti-HBsAg IgM Antibody Mixture Độ nhạy tương đối: 99.8% đến 100% Độ đặc hiệu tương đối: 100% Độ chính xác: 99.7% Ngưỡng phát hiện 5 ng/ml trong 15 phút với xét nghiệm nhanh 1 ng/ml trong 30 phút Tiêu chuẩn chất lương: ISO 13485, CE1434	16.000	Test
106	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	Kháng nguyên tái tổ hợp được sử dụng cho Băng thử nghiệm nhanh HCV được mã hóa bởi các gen cho cả protein cấu trúc (nucleocapsid) và protein không cấu trúc. Độ nhạy tương đối của Băng thử nghiệm nhanh HCV (Huyết thanh / Huyết tương) là 99,1% và độ đặc hiệu tương đối là 99,5%. Độ nhạy tương đối: 99.1% (95%CI*: 94.9%~100.0%); Độ đặc hiệu tương đối: 99.5% (95%CI*: 98.6%~99.9%); Sự chính xác: 99.4% (95%CI*: 98.6%~99.8%) Định tính phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Thử nghiệm bởi các mẫu dương tính của HAMA, RF, HBsAg, HBsAb, HBeAg, HBeAb, HBcAb, Syphilis, HIV, H. Pylori, MONO, CMV, Rubella và TOXO không có phản ứng chéo Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	5.000	Test

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
107	Test nhanh H.P chẩn đoán viêm dạ dày	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA...) kháng H.Pylori trong mẫu huyết thanh, huyết tương; Cộng hợp vàng kháng nguyên H.Pylori-keo vàng: 1±0.2µg Đọc kết quả sau 10 phút Thể tích mẫu sử dụng là 10 µl - Độ nhạy 95,9% - Độ đặc hiệu 89,6% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	44	Test
108	Test thử ma túy 4 chỉ số	Sử dụng phương pháp sắc kí miễn dịch phát hiện định tính ma túy có trong mẫu nước tiểu với ngưỡng phát hiện (cut-off) MET: Methaphetamine 1000ng/ml. AMP: methamphetamine 1000ng/ml THC: Marijuana 50ng/ml MOP: Morphine 300ng/ml Thời gian đọc kết quả: sau 3-5 phút. Độ nhạy: 99.9% Độ đặc hiệu: 99.9% Mỗi vạch thử T chứa kháng thể đơn dòng chuột kháng thuốc và liên hợp protein-thuốc tương ứng. Đường kiểm chứng C có chứa kháng thể đa dòng IgG dê kháng IgG thỏ và kháng thể IgG thỏ. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	1.350	Test
109	Test nhanh chẩn đoán HIV	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.8%.Hộp 100 test. Được ban hành trong Hướng dẫn Quản Lý, Điều trị và chăm sóc HIV/AIDS của BYT hiện hành. Hạn dùng 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Không có phản ứng chéo với các mẫu thẩm tách máu, mẫu rối loạn đông máu, mẫu chứa yếu tố dạng thấp, mẫu dương tính với kháng thể kháng HCV và mẫu máu phụ nữ mang thai. Kít thử hoạt động ổn định ít nhất 24 giờ sau khi mở túi nhôm. Đạt tiêu chuẩn: ISO, WHO	15.000	Test

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
110	Test nhanh chẩn đoán HBsAg	Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người. Độ nhạy: 96,2-100%, Độ đặc hiệu: 97,9-100%. Giới hạn phát hiện 1ng/ml. Hộp 30 test. Các mẫu ly giải máu, mẫu mỡ máu, vàng da không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. Không có phản ứng chéo với các mẫu chứa yếu tố dạng thấp, chứa kháng thể kháng HCV, kháng thể kháng HIV và phụ nữ mang thai. Kít thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C Đạt tiêu chuẩn: ISO	18.000	Test
111	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người. Cộng hợp vàng: Keo vàng - Protein A; Vạch thử: Kháng nguyên tái tổ hợp HCV (kháng nguyên lõi, NS3, NS4, NS5); Vạch chứng: Kháng thể kháng Immunoglobulin người từ dê.Màng nitrocellulose: 25±5 x 4.5±0.9mm; Thể tích mẫu sử dụng là 10µl; Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 99.4%. Kit xét nghiệm ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C Đạt tiêu chuẩn: ISO	9.000	Test
112	Test nhanh chẩn đoán giang mai	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng Treponema pallidum. Độ nhạy: 99.3% và Độ đặc hiệu: 99.5% so với TPHA; Mẫu xét nghiệm: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. Không có phản ứng chéo với các mẫu dương tính Malaria P.f, Malaria P.v, mẫu chứa yếu tố dạng thấp, dương tính Leprosy, mẫu của phụ nữ mang thai.. Kít thử hoạt động ổn định ít nhất 48 giờ sau khi mở túi nhôm. Đạt tiêu chuẩn: CE, ISO	300	Test

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
113	Determine ™ HBsAg 2	**Độ nhạy 98,4% , độ dặc hiệu ≥ 99,6%; Giới hạn phát hiện ≤0.1IU/ml**. Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 30 phút ,không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch dịch đệm(chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. Sử dụng được cho tất cả các loại mẫu bệnh phẩm bao gồm: Huyết thanh, huyết tương, máu tĩnh mạch, máu đầu ngón tay của Người. Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn châu Âu EN ISO 13485. Sản xuất tại Nhật Bản. Thành phần tại vạch test: Kháng thể đơn dòng ở chuột kháng HbsAg Biotinyl và các hạt màu đen được phủ kháng thể đơn dòng ở chuột kháng HBsAg. Hàm lượng : Anti-HBs antibody A1 (233ng/Test); Anti-HBs antibody B1 (17 ng/Test); Anti-HBs antibody B2 (6 ng/Test); Anti-HBs antibody B3 (6 ng/Test); Kháng thể trên thanh kiểm soát (17 ng/Test) Xét nghiệm phát hiện được ít nhất 14 đột biến khác nhau của HbsAg bao gồm: P120Q, T123A, T126N, T126S, Q129R, Q129H, Q129L, M133H, M133L, K141E, P142S, T143K, D144A và G145R. Chứng chỉ xét nghiệm: CE IVD; WHO PQ.	18.000	Test
114	Determine™ HIV- ½	Độ nhạy 100% , độ dặc hiệu ≥ 99,75%, Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút ,không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch dịch đệm(chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương , Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn châu Âu EN ISO 13485. Sản xuất tại nước thuộc G7. - Hàm lượng chính: Antibody, anti HIV-1, Antibody,Anti HIV-2, Antigen (pGO9-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen,(pGO11-CKS/XL-1) HIV-1 Group O,Antigen,(PjC100)HIV-2, Antigen,(pOM10/PV361) HIV-1, Antigen, (pTB319/XL-1)HIV-1, HIV-1 Peptide Antigen, HIV-2 peptide Antigen. '- Sinh phẩm nằm trong khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia của Viện vệ sinh dịch tễ Trung Ương	5.000	Test

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
115	Test nhanh chẩn đoán cúm H1N1	Phát hiện và phân biệt các kháng nguyên virus cúm A, cúm B, và cúm A (H1N1) từ mẫu tăm bông dịch mũi/họng/hầu họng hoặc mẫu dịch hút từ mũi/hầu họng. Không có phản ứng chéo với các vi khuẩn: E. Coli, Enterococcus faecalis, Legionella spp, Mycobacterium tuberculosis, S. pneumoniae, Streptococcus group A/pneumoniae/aureus/pyogenes. Không có phản ứng chéo với các virus: Adenovirus type21, Parainfluenza 1 vius/2 virus/Type 3 Antigen, RSV A2 Strain/Long Strain. Kít thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE	300	Test
116	Bộ kit thu nhận tiểu cầu đơn với máy tách thành phần máu tự động MCS + 9000	- Bộ kít thu nhận tiểu cầu hoàn toàn phù hợp với máy tách thành phần máu tự động Haemonetics MCS+ - Kim lấy máu: dạng kim cánh bướm, kích thước 17G có nắp đậy, có bộ phận bảo vệ đầu kim - Kim kết nối với túi chống đông: dạng kim nhựa có nắp đậy - Bầu ly tâm: dung tích 225ml - Có túi chống đông ACD-A tỷ lệ 1:9, dung tích ≥ 500ml đi kèm - Bộ kít được sản xuất theo hệ thống kín, tiệt trùng bằng Ethylene oxide - Các dây dẫn có chỉ thị màu - Có bộ phận lọc khí trên đường truyền máu và trả máu về - Đường dẫn độc lập dành có chất chống đông và đường dẫn máu - Các bộ phận của bộ kít đã được ghép nối kín với nhau không cần hàn gắn khi sử dụng. - Túi tiểu cầu làm bằng chất liệu CPP cho phép lưu trữ đến 7 ngày - Tương thích với phần mềm tách tiểu cầu MCS+ (UPP) - Bộ kít chỉ sử dụng 1 kim - Bộ kít bao gồm: + Kim lấy máu và trả máu về: 1 cái + Kim kết nối với túi chống đông: 1 cái + Bầu ly tâm Latham: 1 cái + Túi lấy mẫu máu cho xét nghiệm sàng lọc kèm bộ phận lấy mẫu chân không 50ml: 1 túi + Bộ phận lọc khí truyền đường truyền máu: 1 bộ + Túi đựng sản phẩm tiểu cầu 1000ml: 1 túi + Túi đựng sản phẩm huyết tương 1000ml: 1 túi + Túi khí cân bằng áp suất 600ml: 1 túi + Túi lấy mẫu tiểu cầu 90ml: 1 túi - Tiêu chuẩn chất lương ISO, CFS, CE hoặc tương đương	100	Bộ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
117	Bộ kit thu nhận tiểu cầu đôi với máy tách thành phần máu tự động MCS + 9000	- Bộ kít thu nhận tiểu cầu hoàn toàn phù hợp với máy tách thành phần máu tự động Haemonetics MCS+ - Kim lấy máu: dạng kim cánh bướm, kích thước 17G có nắp đậy, có bộ phận bảo vệ đầu kim - Kim kết nối với túi chống đông: dạng kim nhựa có nắp đậy - Bầu ly tâm Latham: dung tích 225ml - Có túi chống đông ACD-A tỷ lệ 1:9, dung tích ≥ 500ml đi kèm - Có thể bù muối trong quá trình gạn tách - Bộ kít được sản xuất theo hệ thống kín, tiệt trùng bằng Ethylene oxide - Các dây dẫn có chỉ thị màu - Có bộ phận lọc khí trên đường truyền máu và trả máu về - Đường dẫn độc lập dành có chất chống đông, đường truyền bù muối và đường dẫn máu - Các bộ phận của bộ kít đã được ghép nối kín với nhau không cần hàn gắn khi sử dụng. - Túi tiểu cầu làm bằng chất liệu CPP cho phép lưu trữ đến 7 ngày + Tương thích với phần mềm tách tiểu cầu MCS+ (UPP) - Bộ kít chỉ sử dụng 1 kim - Bộ kít bao gồm: + Kim lấy máu và trả máu về: 1 cái + Kim kết nối với túi chống đông: 1 cái + Kim kết nối truyền dịch nước muối: 1 cái + Bầu ly tâm Latham 225ml: 1 cái + Túi lấy mẫu máu cho xét nghiệm sàng lọc kèm bộ phận lấy mẫu chân không 50ml: 1 túi + Bộ phận lọc khí truyền đường truyền máu: 1 bộ + Túi đựng sản phẩm tiểu cầu 1000ml: 2 túi + Túi đựng sản phẩm huyết tương 1000ml: 1 túi + Túi khí cân bằng áp suất 600ml: 1 túi + Túi lấy mẫu tiểu cầu 90ml: 1 túi - Tiêu chuẩn chất lương ISO, CFS, CE hoặc tương đương	100	Bộ
118	Dung dịch xả rửa trơn bóng dụng cụ	Chất hoạt động bề mặt không ion, Isopropanol và các thành phần khác xả rửa trung tính, làm trơn bóng các loại dụng cụ nội khoa và ngoại khoa với hoạt tính làm khô. Sử dụng phối hợp với dung dịch tẩy rửa, đảm bảo dụng cụ khô nhanh và không còn vết mờ ố sau khi rửa. Dùng với máy rửa dụng cụ tự động. Phù hợp với mọi chất lượng nước xả (nước chưa xử lý, nước mềm, nước khử khoáng…). Nồng độ sử dụng: 0,03%-0,3% (0,3-3ml trong 1 lít nước)	11	Can

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
119	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế chứa 3 enzyme	Tẩy rửa dụng cụ phẫu thuật, dụng cụ y tế và trang thiết bị y tế dùng cho máy rửa-khử khuẩn và xử lý trong chậu rửa. Thành phần: chất hoạt động bề mặt cationic và không ionic với tác động phá bọt, chất cô lập, phức hợp enzyme (protease, lipase, and amylase), tá dược vừa đủ. Dung dịch chuyên dụng dùng cho máy rửa	16	Can
120	HBsAg	*Hóa chất xét nghiệm định lượng hepatitis B surface antigen (HBsAg) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 0.05-250 IU/mL *Thành phần: -Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ bằng streptavidin trong đệm citrate có chất bảo quản. -Rb: Kháng thể đơn dòng (IgG chuột) kháng HBs gắn Alkaline Phosphatase trong đệm MES có chất bảo quản. -Rc: Kháng thể đơn dòng (IgG và IgA chuột) Anti-HBs gắn biotin trong đệm TRIS có chứa chất bảo quản.	168	Hộp
121	Anti-HCV	*Hóa chất xét nghiệm định tính antibody to hepatitis C virus (Anti-HCV) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm sandwich 2 bước *Thành phần: -Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ bằng kháng nguyên HCV tái tổ hợp trong đệm MES với chất bảo quản. -Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng kháng IgG người đánh dấu Alkaline phosphatase trong dung dịch đệm MES có chất bảo quản. -Rc: dung dịch pha loãng mẫu trong đệm HEPES với chất bảo quản. -Rd: Đệm MES với chất bảo quản.	168	Hộp

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
122	Anti-TP	*Hóa chất xét nghiệm định tính kháng thể đối với Treponema pallidum (TP) trong huyết thanh hoặc huyết tương người *Nguyên lý đo: Xét nghiệm sandwich 2 bước *Thành phần: -Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng nguyên TP tái tổ hợp trong đệm TRIS với chất bảo quản. -Rb: Liên hợp IgG kháng người được đánh dấu Alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản. -Rc: Đệm citrate có chất bảo quản. -Rd: Đệm MES với chất bảo quản.	168	Hộp
123	HIV	*Hóa chất xét nghiệm định tính kháng nguyên HIV p24, kháng thể HIV-1 và /hoặc HIV-2 trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm sandwich 2 điểm *Thành phần: -Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ kháng nguyên đặc hiệu HIV-1/2 và kháng thể đơn dòng kháng HIV p24 (IgG chuột) trong dung dịch đệm HEPES có chất bảo quản. -Rb: Kháng nguyên đặc hiệu HIV-1/2 gắn ALP và kháng thể đơn dòng HIV p24 (IgG chuột) gắn ALP trong đệm TRIS với chất bảo quản. -Rc: Mẫu pha loãng trong đệm TRIS với chất bảo quản. -Rd: Chất ngưng phản ứng trong bộ đệm TRIS với chất bảo quản.	168	Hộp
124	HBsAg Calibrator	*Hóa chất hiệu chuẩn trong xét ngiệm định lượng kháng thể hepatitis B surface antigen (Anti-HBs) *Quy cách: C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: -C0: Huyết tương người âm tính Anti-HBs với sodium azide như chất bảo quản -C1/C2: Anti-HBs trong huyết tương người với sodium azide làm chất bảo quản ở hai mức nồng độ - Thẻ hiệu chuẩn: 1	8	Hộp

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
125	Anti-HCV Calibrator	*Hóa chất hiệu chuẩn trong xét ngiệm định tính kháng thể kháng hepatitis C virus (Anti-HCV) *Quy cách: C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: -C0, C1: Anti-HCV trong đệm albumin huyết thanh bò (BSA) ở 2 mức nồng độ	8	Hộp
126	Anti-TP Calibrator	*Hóa chất hiệu chuẩn trong xét ngiệm định tính kháng thể kháng Treponema Pallidum (Anti-TP) *Quy cách: C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: -C0, C1: Anti-TP trong đệm albumin huyết thanh bò (BSA) ở 2 mức nồng độ	8	Hộp
127	HIV Calibrator	*Hóa chất hiệu chuẩn trong xét ngiệm định tính kháng nguyên HIV p24 và kháng thể kháng HIV 1, HIV 2 trong huyết thanh và huyết tương. *Quy cách: C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: -C0: Đệm albumin huyết thanh bò (BSA) với sodium azide làm chất bảo quản -C1: Anti-HIV-1 (thỏ) trong đệm albumin huyết thanh bò (BSA) với sodium azide làm chất bảo quản - Thẻ hiệu chuẩn: 1	8	Hộp
128	HBsAg Positive Control	*Hóa chất kiểm chuẩn mức dương tính cho xét nghiệm HBsAg *Quy cách : 3×2 mL/lọ *Thành phần: HbsAg tái tổ hợp trong đệm albumin huyết thanh bò (BSA) với sodium azide làm chất bảo quản.	8	Hộp
129	HBsAg Negative Control	*Hóa chất kiểm chuẩn mức âm tính cho xét nghiệm HBsAg *Quy cách : 3×2 mL/lọ *Thành phần: Huyết tương người âm tính với HBsAg với sodium azide làm chất bảo quản.	8	Hộp
130	Anti-HCV Postive Control	*Hóa chất kiểm chuẩn mức dương tính cho xét nghiệm Anti-HCV	8	Hộp

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
131	Anti-HCV Negative Control	*Hóa chất kiểm chuẩn mức âm tính cho xét nghiệm Anti-HCV	8	Hộp
132	Anti-TP Positive Control	*Hóa chất kiểm chuẩn mức dương tính cho xét nghiệm Anti-TP	8	Hộp
133	Anti-TP Negative Control	*Hóa chất kiểm chuẩn mức âm tính cho xét nghiệm Anti-TP	8	Hộp
134	HIV Positive Control	*Hóa chất kiểm chuẩn mức dương tính cho xét nghiệm HIV	8	Hộp
135	HIV Negative Control	*Hóa chất kiểm chuẩn mức âm tính cho xét nghiệm HIV	8	Hộp
136	Reaction cuvettes for CL-900i, 1000i, 1200i	*Cuvette phản ứng dùng cho máy CL-900i, 1000i, 1200i *Quy cách: 21*2*88/thùng (Mỗi thùng có 21 hộp, mỗi hộp có 2 khay, mỗi khay có 88 cuvette)	20	Thùng
137	Substrate solution	*Thuốc thử dùng cho các máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang dòng CL của Mindray *Thành phần: Dung dịch đệm chứa AMPPD, chất huỳnh quang và chất hoạt động bề mặt.	10	Thùng
138	Substrate solution	*Thuốc thử dùng cho các máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang dòng CL của Mindray *Thành phần: Dung dịch đệm chứa AMPPD, chất huỳnh quang và chất hoạt động bề mặt.	10	Thùng
139	Wash buffer	*Wash Buffer là dung dịch dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch các dòng CL của Mindray. *Thành phần: Đệm Tris, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản	44	Thùng
140	Waste box for CL-900i, 1000i, 1200i	*Hộp đựng cuvette đã sử dụng. *Quy cách: 10 cái/hộp	10	Hộp
141	CD 80 Detergent	*Dung dịch rửa, làm sạch kim hút bệnh phẩm/ hóa chất, mixer và cuvettes của máy xét nghiệm sinh hóa tự động * Quy cách:1 lít/hộp *Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định.	8	Chai
142	Men vi sinh		1.000	Lít
143	Thẻ xét nghiệm CG4+	Thẻ xét nghiệm định lượng điện giải (Lactate), Khí máu (pH, pCO2, pO2, TCO2, HCO3, BE, sO2)	2.000	Thẻ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
144	Thẻ xét nghiệm CG8+	Thẻ xét nghiệm định lượng Điện giải (Na, K, iCa), Sinh hóa (Glucose), Huyết học (Hct, Hgb), Khí máu (pH, pCO2, PO2, TCO2, HCO3, BE, SO2)	2.000	Thẻ
145	Nước cất 2 lần can 5 Lít	Dung dịch trong suốt không màu, không mùi. Can 5 lít	8.000	Lít
146	Viên khử khuẩn	Thành phần: Troclosense Sodium (50% DICHLOR-ISOCYANURATE NATRI kl/kl), Dạng viên sủi tan nhanh trong nước tạo dung dịch có pH acid 6.2. Khử khuẩn dụng cụ, bề mặt, đồ vải. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, GMP. Hộp 100 viên	13.000	Viên
147	CloraminB	Bảo quản: -20oC đến +30oC - Đóng gói: Thùng 25kg - Độ tinh khiết: ≥ 99% - Hàm lượng clo hoạt tính: ≥ 25% - pH: 9 – 11 - Sắt: ≤ 10ppm - Kim loại nặng: ≤ 10ppm - Yêu cầu: + Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương. + Giấy kiểm nghiệm chất lượng độc lập do cơ quan phân tích đạt tiêu chuẩn quốc tế cấp của nước sản xuất hàng hóa. Thùng 25 kg	1.000	Kg
Tổng cộng: 147 khoản				

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HOÀ BÌNH

PHỤ LỤC 3 MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời chào báo giá số /TMBG-BVĐKT ngày /8/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hoà Bình)

BÁO GIÁ[1]

Kính gửi: ... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*, chúng tôi .... *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các Vật tư/ Hoá chất như sau:

1. Báo giá cho Vật tư/ Hoá chất:

STT	Danh mục [2]	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất[3]	Mã HS[4]	Năm sản xuất[5]	Xuất xứ[6]	Số lượng/khối lượng[7]	Đơn giá[8] (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan[9] (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)[10] (VND)	Thành tiền[11] (VND)
1	Vật tư/ Hoá chất A									
2	Vật tư/ Hoá chất B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm ... *[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

……, ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp[12]

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))